

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	V13.00001	Chu Văn Anh	16/05/91		Công ty CP TNHH MTV-VN	4.00	5.00	9.00	9.00	
2	V13.00002	Bùi Thị Vân Anh	23/09/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.50	9.50	9.50	
3	V13.00003	Bùi Thị Lan Anh	27/09/87	Nữ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	6.50	5.50	12.00	12.00	
4	V13.00004	Bùi Tuấn Anh	10/03/88		Bộ tài nguyên môi trường	5.00	5.00	10.00	10.00	
5	V13.00005	Chử Tuấn Anh	03/05/88		UBND P. Đại Kim - HN	4.50	2.00	6.50	6.50	
6	V13.00006	Dương Ngọc Anh	01/01/91		TSTD	2.00	2.50	4.50	4.50	
7	V13.00008	Hoàng Thị Hà Anh	10/09/83	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.00	10.50	10.50	
8	V13.00009	Hoàng Thị Vân Anh	12/10/89	Nữ	Nhà Hàng Sen Hồ Tây	4.00	1.50	5.50	5.50	
9	V13.00010	Hoàng Phương Anh	22/02/90	Nữ	Đội quản lý thị trường số 13	7.00	4.50	11.50	11.50	
10	V13.00011	Hoàng Tuấn Anh	30/11/87		Công ty cổ phần IG9	5.50	6.00	11.50	11.50	
11	V13.00013	Lương Thị Mai Anh	22/11/89	Nữ	Vụ pháp chế, Bộ Y tế	7.00	7.00	14.00	14.00	
12	V13.00014	Ngô Thế Anh	18/01/80		Công ty cổ phần đầu tư xây dựng V2D	6.00	4.50	10.50	10.50	
13	V13.00015	Nguyễn Thị Kim Anh	22/01/84	Nữ	Ngân hàng TMCP Petrolimex	6.00	5.00	11.00	11.00	
14	V13.00016	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/03/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
15	V13.00017	Nguyễn Thị Vân Anh	27/09/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	4.50	10.50	10.50	
16	V13.00018	Nguyễn Thị Cẩm Anh	10/07/87	Nữ	Công ty TNHH Tân Tây á	6.50	6.50	13.00	13.00	
17	V13.00019	Nguyễn Thị Lan Anh	01/10/84	Nữ	Công ty CP Đầu tư & TM CHC VN	5.50	4.50	10.00	10.00	
18	V13.00021	Nguyễn Thị Tú Anh	07/05/91	Nữ	Công ty TNHH Trường Xuân	5.50	4.00	9.50	9.50	
19	V13.00023	Nguyễn Thị Vân Anh	10/03/90	Nữ	Trung tâm tình nguyện quốc gia	6.50	6.00	12.50	12.50	
20	V13.00024	Nguyễn Thị Ngọc Anh	30/11/91	Nữ	Công ty CP OHG	7.00	4.00	11.00	11.00	
21	V13.00025	Nguyễn Thị Vân Anh	19/11/88	Nữ	công ty TNHH tư vấn và xây lắp toàn cầu	5.00	5.00	10.00	10.00	
22	V13.00026	Nguyễn Tuấn Anh	01/02/86		Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh	2.00	3.50	5.50	5.50	
23	V13.00027	Nguyễn Tuấn Anh	02/11/91		Thí sinh tự do	7.00	7.00	14.00	14.00	
24	V13.00028	Nguyễn Tuấn Anh	02/12/85		UBND Phường Dư Lâu, Việt Trì, Phú Thọ	4.50	3.50	8.00	8.00	
25	V13.00030	Nguyễn Tuấn Anh	05/01/89		Công ty TNHH Emotiv Công nghệ Việt Nam	6.00	3.50	9.50	9.50	
26	V13.00031	Nguyễn Lan Anh	05/08/91	Nữ	BABSEA-CLE	7.00	7.00	14.00	14.00	
27	V13.00032	Nguyễn Thế Anh	08/08/82		Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
28	V13.00033	Nguyễn Việt Anh	08/10/90		TSTD	7.00	5.50	12.50	12.50	
29	V13.00034	Nguyễn Phương Anh	09/06/90	Nữ	VP Công chứng A1 - HN	7.00	7.00	14.00	14.00	
30	V13.00035	Nguyễn Đức Anh	09/08/89		Thí sinh tự do	5.00	5.50	10.50	10.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
31	V13.00036	Nguyễn Đức	Anh	09/10/90		Ngân hàng Nhà nước	7.00	4.00	11.00	11.00	
32	V13.00037	Nguyễn Ngọc	Anh	10/02/88		Công ty TNHH thiết bị Minh Tâm	5.50	3.50	9.00	9.00	
33	V13.00039	Nguyễn Đức	Anh	21/03/88		Ban Giải phóng mặt bằng quận Đống Đa	5.50	3.50	9.00	9.00	
34	V13.00040	Nguyễn Lê	Anh	23/03/83		Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	5.00	6.00	11.00	11.00	
35	V13.00041	Nguyễn Thế	Anh	26/10/81		Bảo bảo vệ pháp luật	5.50	4.00	9.50	9.50	
36	V13.00042	Nguyễn Hoàng	Anh	31/08/90		TSTD	5.00	4.00	9.00	9.00	
37	V13.00044	Phạm Tuấn	Anh	06/12/84		Bảo hiểm xã hội Q. Ba Đình	4.50	4.00	8.50	8.50	
38	V13.00045	Phạm Tuấn	Anh	08/06/86		Ban chỉ đạo Tây Bắc	6.00	4.00	10.00	10.00	
39	V13.00046	Phạm Tuấn	Anh	09/05/88		Bộ công an	5.50	5.00	10.50	10.50	
40	V13.00047	Phạm Hoài	Anh	17/12/74		Tổng công ty hàng không Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
41	V13.00048	Phạm Thế	Anh	23/09/88		Trung tâm thông tin thể dục thể thao	5.00	4.00	9.00	9.00	
42	V13.00049	Phạm Đức	Anh	25/11/87		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.00	5.00	11.00	11.00	
43	V13.00050	Phùng Đức Hiếu	Anh	03/07/90		Báo dân tộc và phát triển	5.50	4.50	10.00	10.00	
44	V13.00051	Tổng Công	Anh	07/07/91		Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
45	V13.00052	Trần Thị Vân	Anh	08/12/88	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
46	V13.00056	Trần Hoàng	Anh	12/10/89		Công ty TNHH SHTT Sao Bắc Đẩu	5.50	4.00	9.50	9.50	
47	V13.00057	Trần Kim	Anh	15/08/87	Nữ	UB dân tộc miền núi	5.50	4.00	9.50	9.50	
48	V13.00058	Trần Quang	Anh	26/10/90		Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
49	V13.00059	Trần Hoài	Anh	27/01/88	Nữ	Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài	5.00	7.00	12.00	12.00	
50	V13.00060	Vũ Thị Hải	Anh	09/06/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.50	10.50	10.50	
51	V13.00061	Vũ Tuấn	Anh	17/10/76		Công ty CPĐT SX TM & DV Thái Hà	5.00	3.00	8.00	8.00	
52	V13.00062	Vũ Tuấn	Anh	27/06/87		Thí sinh tự do	4.00	4.50	8.50	8.50	
53	V13.00063	Lê Ngọc	An	16/03/79		Công ty CP phát triển An Phú Mỹ	5.00	2.00	7.00	7.00	
54	V13.00064	Tô Thị Việt	An	29/03/89	Nữ	Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Hà Nội	6.00	6.00	12.00	12.00	
55	V13.00065	Vũ Văn	An	12/06/90		công ty Cơ điện xây dựng	6.00	4.00	10.00	10.00	
56	V13.00066	Tào Nguyệt	ánh	30/09/90	Nữ	Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni	7.00	4.50	11.50	11.50	
57	V13.00067	Trần Trọng	Ấu	12/12/88		BQL đường sắt đô thị HN	6.00	5.00	11.00	11.00	
58	V13.00068	Hà Thị Lưu	Ba	23/02/85	Nữ	Công ty mua bán điện	5.00	5.00	10.00	10.00	
59	V13.00069	Hà Thị	Ban	23/10/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
60	V13.00070	Nguyễn Xuân	Bách	13/07/88		Công ty TNHH Toyota Long Biên	5.50	2.00	7.50	7.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
61	V13.00071	Trần Ngọc	Bách	29/08/81		Công ty CP phát triển XD Vĩnh Phúc	6.00	5.00	11.00	11.00	
62	V13.00072	Vương Trung	Bách	28/07/74		Đại học Hà Nội	5.00	2.50	7.50	7.50	
63	V13.00074	Vũ Gia	Bằng	16/07/90		Thí sinh tự do	4.50	5.50	10.00	10.00	
64	V13.00075	Lê Tiến	Bắc	25/09/87		Công ty CP Đầu tư và dịch vụ thương mại VN	6.00	3.00	9.00	9.00	
65	V13.00076	Nguyễn Cao	Bắc	03/03/82		Cục thi hành án dân sự - Cao Bằng	4.50	6.00	10.50	10.50	
66	V13.00077	Bùi Văn	Bằng	21/12/76		Bộ Quốc phòng	5.50	7.00	12.50	12.50	
67	V13.00078	Tạ Hoàng	Biên	02/10/88		Công ty TNHH TMDV kỹ thuật Phú Tài	5.50	4.00	9.50	9.50	
68	V13.00079	Doãn Thị Lâm	Bình	14/10/88	Nữ	VKSND Lương sơn - Hòa Bình	5.50	4.50	10.00	10.00	
69	V13.00080	Đỗ Văn	Bình	09/06/89		Nhà xuất bản Kim Đồng	5.50	4.00	9.50	9.50	
70	V13.00081	Hoàng Nghĩa	Bình	09/06/90		TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
71	V13.00082	Hoàng Văn	Bình	30/05/88		TSTD	6.00	3.50	9.50	9.50	
72	V13.00083	Lê Thanh	Bình	15/06/88		Công ty cổ phần tài chính điện lực	5.50	5.50	11.00	11.00	
73	V13.00085	Nguyễn Thị	Bình	23/03/91	Nữ	Cửa hàng mũ bảo hiểm	7.00	5.00	12.00	12.00	
74	V13.00087	Phùng Thị	Bình	08/03/77	Nữ	Sở giao dịch Agribank	4.50	5.00	9.50	9.50	
75	V13.00088	Phạm Thị Huyền	Chang	19/10/86	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	
76	V13.00089	Nguyễn Huyền	Châu	16/02/85	Nữ	UBND Quận Hà Đông	6.50	6.00	12.50	12.50	
77	V13.00090	Bùi Kim	Chi	13/12/84	Nữ	Công ty CP ĐT&PT Lũng Lô 5	7.00	4.50	11.50	11.50	
78	V13.00091	Mai Thị	Chiên	21/09/90	Nữ	Công ty cổ phần Nhân Bình	4.50	5.00	9.50	9.50	
79	V13.00092	Đoàn Quỳnh	Chiến	27/06/87		Thí sinh tự do	4.00	2.00	6.00	6.00	
80	V13.00093	Đỗ Minh	Chiến	05/07/89		Bộ kế hoạch và đầu tư	5.50	2.00	7.50	7.50	
81	V13.00094	Nguyễn Đình	Chiến	06/01/83		Bộ Quốc phòng	6.00	7.00	13.00	13.00	
82	V13.00095	Phạm Đức	Chiến	17/04/75		Tổng cục hải quan	5.50	3.50	9.00	9.00	
83	V13.00096	Phạm Lê	Chiến	28/10/84		Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp	4.00	4.00	8.00	8.00	
84	V13.00097	Lưu Thị Phương	Chi	05/07/90	Nữ	Công ty TNHH KPMG	6.00	5.00	11.00	11.00	
85	V13.00098	Ngô Thùy	Chi	03/05/88	Nữ	Công ty TNHH Cherry TM và DV	4.00	3.50	7.50	7.50	
86	V13.00099	Nguyễn Thị Hồng	Chi	22/05/87	Nữ	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	7.00	4.00	11.00	11.00	
87	V13.00100	Nguyễn Thị	Chi	14/03/90	Nữ	UBND xã Tân Hội	6.50	5.00	11.50	11.50	
88	V13.00102	Vũ Đình	Chinh	08/08/89		Công ty TNHH thiết bị máy móc Ninh Ba	5.50	5.00	10.50	10.50	
89	V13.00103	Nguyễn Cao	Chí	14/06/90		Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
90	V13.00104	Phan Thanh	Chính	05/05/81		Công ty CP tư vấn công nghệ xây dựng Petrolime	5.00	4.00	9.00	9.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
91	V13.00106	Nghiêm Thị	Chung	15/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
92	V13.00107	Nguyễn Thị Phương	Chung	20/04/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
93	V13.00108	Phan Hà	Chung	02/12/85		Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	6.00	6.50	12.50	12.50	
94	V13.00109	Đỗ Văn	Chúc	22/04/86		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.00	4.50	10.50	10.50	
95	V13.00110	Nguyễn Văn	Chúc	17/06/87		CT TNHH XD & TM Sao Đất Việt	5.00	3.00	8.00	8.00	
96	V13.00111	Lê Viết	Công	23/10/91		Thí sinh tự do	4.50	5.00	9.50	9.50	
97	V13.00112	Lý Thành	Công	26/11/87		Đài truyền hình kỹ thuật số VTC	4.50	5.00	9.50	9.50	
98	V13.00113	Nguyễn Thành	Công	04/07/90		Thí sinh tự do	6.00	1.50	7.50	7.50	
99	V13.00114	Vũ Thành	Công	02/09/87		Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Đống Đa	4.50	4.50	9.00	9.00	
100	V13.00115	Bùi Kim	Cúc	06/02/82	Nữ	UBND phường Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm	4.50	4.00	8.50	8.50	
101	V13.00116	Dương Thu	Cúc	18/10/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.50	11.50	11.50	
102	V13.00118	Phạm Thị	Cúc	26/04/88	Nữ	UBND Phường Tô Hiệu, Thường Tín	5.00	3.50	8.50	8.50	
103	V13.00119	Đặng Xuân	Cường	04/03/91		Ngân hàng Seabank Long Biên	6.00	6.00	12.00	12.00	
104	V13.00120	Nguyễn Biên	Cường	05/11/83		Công ty TNHH công nghệ hỗ trợ Việt Nam VTS	6.50	4.00	10.50	10.50	
105	V13.00121	Bùi Văn	Cường	10/10/88		Bộ Quốc phòng	6.00	6.00	12.00	12.00	
106	V13.00122	Bùi Huy	Cường	21/03/86		Sân bay Nội Bài	6.00	5.00	11.00	11.00	
107	V13.00123	Cao Văn	Cường	03/12/88		Ngân hàng TMCP Đông Nam á	6.50	6.00	12.50	12.50	
108	V13.00124	Chu Mạnh	Cường	05/03/89		Thí sinh tự do	4.00	5.50	9.50	9.50	
109	V13.00125	Doãn Mạnh	Cường	24/02/87		Phòng tài chính-kế hoạch thị xã Sơn Tây, HN	4.00	5.50	9.50	9.50	
110	V13.00126	Đinh Doãn	Cường	16/10/89		Đại học kinh tế-kỹ thuật công nghiệp	5.00	4.00	9.00	9.00	
111	V13.00127	Đoàn Mạnh	Cường	22/12/84		Công ty cổ phần truyền thông Việt Phú	7.00	4.00	11.00	11.00	
112	V13.00128	Lê Bá	Cường	03/10/88		Tổng công ty ĐTPT đường cao tốc VN	6.50	4.00	10.50	10.50	
113	V13.00129	Lê Mạnh	Cường	31/10/86		Toà án nhân dân tối cao	5.00	6.00	11.00	11.00	
114	V13.00130	Nguyễn Mạnh	Cường	09/02/89		NXB lao động thương binh và xã hội	4.00	3.00	7.00	7.00	
115	V13.00133	Nguyễn Đăng	Cường	07/11/92		Thí sinh tự do	6.50	3.00	9.50	9.50	
116	V13.00134	Nguyễn Mạnh	Cường	01/08/83		Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và công nghệ	4.50	5.00	9.50	9.50	
117	V13.00135	Nguyễn Kiên	Cường	19/02/79		Thí sinh tự do	6.50	4.50	11.00	11.00	
118	V13.00136	Nguyễn Việt	Cường	29/10/89		Công ty cơ khí Quang Trung	6.50	6.00	12.50	12.50	
119	V13.00138	Phạm Minh	Cường	04/05/87		UBND P. Quỳnh Lôi - HBT, HN	4.50	4.00	8.50	8.50	
120	V13.00139	Phạm Hùng	Cường	21/10/85		Công ty TNHH MDF Vinafor Tân an Hoà Bình	4.50	4.00	8.50	8.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
121	V13.00140	Trịnh Văn	Cường	05/01/87		Công ty Việt Quốc Luật	5.00	2.50	7.50	7.50	
122	V13.00141	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	24/05/84	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
123	V13.00143	Phạm Xuân	Diệu	01/06/88		Báo pháp luật Việt Nam	5.00	3.50	8.50	8.50	
124	V13.00144	Quản Đức	Doanh	06/06/88		Công ty TNHH Đại bắc	5.50	4.50	10.00	10.00	
125	V13.00145	Trần Thị	Doan	03/07/90	Nữ	Sở Lao động TBXH Hải Phòng	6.50	4.00	10.50	10.50	
126	V13.00146	Nguyễn Thế	Duẩn	01/09/90		Thí sinh tự do	6.00	3.50	9.50	9.50	
127	V13.00147	Lê Văn	Du	31/03/81		Công ty TNHH thương mại & đầu tư Hoàng an	6.00	2.00	8.00	8.00	
128	V13.00148	Bùi Thúy	Dung	25/08/80	Nữ	Nhà xuất bản Y học	5.00	4.00	9.00	9.00	
129	V13.00149	Dương Thị Thùy	Dung	17/08/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	2.00	7.00	7.00	
130	V13.00150	Đoàn Thùy	Dung	31/08/89	Nữ	Thi hành án DS huyện Đông Hưng - TB	5.00	5.00	10.00	10.00	
131	V13.00151	Lê Thị Thùy	Dung	12/05/89	Nữ	Công Ty TNHH Hanel	4.50	4.00	8.50	8.50	
132	V13.00152	Nguyễn Thuỳ	Dung	19/03/84	Nữ	UBND Huyện Từ Liêm	5.00	6.00	11.00	11.00	
133	V13.00153	Phạm Ngọc	Dung	07/05/79		Công ty tư vấn thiết kế PND - VN	6.00	5.00	11.00	11.00	
134	V13.00154	Bùi Văn	Duy	23/05/90		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
135	V13.00155	Nguyễn Thị Hoài	Duyên	03/09/89	Nữ	UBND Xã Đặng Xá	7.00	3.50	10.50	10.50	
136	V13.00157	Phí Lê	Duyên	11/01/83	Nữ	Toà án ND huyện Hạ Hòa- Phú Thọ	3.75	6.00	9.75	10.00	
137	V13.00159	Lê Minh	Duy	30/10/92		Trường ĐH Thương mại	5.50	7.00	12.50	12.50	
138	V13.00161	Trần	Duy	04/04/86		Ngân hàng BIDV Bắc Hà Nội	5.25	4.00	9.25	9.50	
139	V13.00162	Đặng Quang	Dũng	02/10/82		Công ty chứng khoán Hưng Long	6.00	7.00	13.00	13.00	
140	V13.00163	Đoàn Anh	Dũng	08/07/86		Đại học FPT	5.00	4.50	9.50	9.50	
141	V13.00164	Đỗ Tiến	Dũng	18/05/88		Công ty cổ phần phát triển đô thị Vinaconex	6.00	5.00	11.00	11.00	
142	V13.00165	Hồ Trung	Dũng	14/08/89		Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
143	V13.00166	Hồ Xuân	Dũng	22/04/90		Công ty Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
144	V13.00167	Lê Anh	Dũng	13/08/85		Công ty Luật TNHH Việt Lê	4.50	6.00	10.50	10.50	
145	V13.00168	Lô Trung	Dũng	19/10/88		Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội	5.00	1.50	6.50	6.50	
146	V13.00170	Nguyễn Tài	Dũng	04/07/62		Công ty TNHH kiểm toán quốc gia VIA	6.50	5.00	11.50	11.50	
147	V13.00172	Nguyễn Văn	Dũng	13/01/87		UBND Phường Đồng Tâm	3.00	3.50	6.50	6.50	
148	V13.00173	Nguyễn Anh	Dũng	16/04/80		Công ty TNHH truyền thông và du lịch Hà Nội	5.50	3.00	8.50	8.50	
149	V13.00175	Nguyễn Văn	Dũng	20/06/90		Công ty TNHH 1 thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI	5.00	3.00	8.00	8.00	
150	V13.00176	Nguyễn Tiến	Dũng	21/01/81		Nhà văn hoá Huyện Từ Liêm	0.50	3.00	3.50	3.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
151	V13.00177	Nguyễn Tiến Dũng	27/10/91		Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.75	2.00	7.75	8.00	
152	V13.00178	Nhữ Duy Dũng	11/11/90		TSTD	4.50	4.00	8.50	8.50	
153	V13.00179	Phạm Ngọc Dũng	15/10/86		Công ty TNHH Kỹ thuật quản lý bay	6.00	4.00	10.00	10.00	
154	V13.00180	Phạm Dũng	16/01/83		Sở Xây dựng Thái Bình	5.50	5.00	10.50	10.50	
155	V13.00181	Phùng Trọng Mạnh Dũng	30/01/87		VP Bank - Hà Nội	5.00	4.00	9.00	9.00	
156	V13.00182	Tạ Quang Dũng	04/03/91		Thí sinh tự do	4.00	3.00	7.00	7.00	
157	V13.00184	Trần Anh Dũng	16/03/78		Công ty cổ phần kiến trúc D & D	5.00	7.00	12.00	12.00	
158	V13.00186	Trần Xuân Dũng	20/12/88		Tổng công ty đầu tư & kinh doanh vốn NN	7.00	6.50	13.50	13.50	
159	V13.00187	Trần Việt Dũng	22/10/73		CTCP sản phẩm VLXD Kaygaroo	2.00	4.00	6.00	6.00	
160	V13.00188	Trương Quang Dũng	11/03/81		Công ty Cổ phần bảo hiểm Hàng Không	6.50	6.50	13.00	13.00	
161	V13.00189	Trương Việt Dũng	19/06/80		Trung tâm xúc tiến đầu tư	7.00	7.00	14.00	14.00	
162	V13.00190	Vũ Tiến Dũng	03/01/85		Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	
163	V13.00191	Hoàng Tiến Dư	20/11/86		TSTD	5.00	6.00	11.00	11.00	
164	V13.00193	Lê Huy Dương	16/01/80		Ngân hàng VIB	3.00	4.00	7.00	7.00	
165	V13.00194	Lê Đại Dương	30/11/90		Công ty phần mềm FPT	5.00	5.50	10.50	10.50	
166	V13.00195	Nguyễn Lê Quang Dương	09/09/91		Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	5.50	6.00	11.50	11.50	
167	V13.00196	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	04/11/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.50	12.50	12.50	
168	V13.00198	Nguyễn Duy Dương	05/08/91		Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	
169	V13.00199	Nguyễn Đại Dương	19/09/85		Tổng cục thi hành án dân sự Bộ Tư Pháp	7.00	6.50	13.50	13.50	
170	V13.00200	Phan Thị Thuỳ Dương	26/01/90	Nữ	Công ty TNHH quà tặng Gia Thịnh	4.50	2.00	6.50	6.50	
171	V13.00201	Phạm Đông Dương	03/09/89		Phòng Kế hoạch - hợp tác viện Đo lường Việt Nam	6.00	6.50	12.50	12.50	
172	V13.00202	Phí Thùy Dương	04/09/90	Nữ	TSTD	5.50	5.00	10.50	10.50	
173	V13.00203	Trương Văn Dương	28/08/89		Thí sinh tự do	6.50	7.00	13.50	13.50	
174	V13.00204	Vũ Thuý Dương	10/10/88	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.50	9.50	9.50	
175	V13.00205	Vũ Thùy Dương	28/09/88	Nữ	TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
176	V13.00206	Trần Vũ Nhiếp Đàm	01/07/85		Công ty đầu tư công nghệ HDA Việt NAM	7.00	5.50	12.50	12.50	
177	V13.00207	Ngô Văn Đăng	04/02/89		Công ty cổ phần truyền thông Việt Nam	6.00	6.00	12.00	12.00	
178	V13.00208	Phạm Thị Bích Đào	24/12/87	Nữ	TSTD	6.00	6.50	12.50	12.50	
179	V13.00209	Đặng Đức Đại	14/11/77		Công ty TNHH thương mại & dịch vụ Lâm Giang	4.00	6.00	10.00	10.00	
180	V13.00210	Hoàng Sỹ Đại	23/10/86		Thí sinh tự do	5.75	4.00	9.75	10.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
181	V13.00211	Nguyễn Văn Đại	05/10/85		Bộ Quốc phòng	4.50	4.00	8.50	8.50	
182	V13.00212	Trần Văn Đại	25/09/89		TSTD	5.00	6.00	11.00	11.00	
183	V13.00213	Nguyễn Văn Đạo	09/10/89		UBND phường Việt Hưng	5.50	5.00	10.50	10.50	
184	V13.00214	Lã Duy Đạt	24/10/90		Ngân hàng TMCP Tiên Phong	4.00	7.00	11.00	11.00	
185	V13.00215	Trần Tuấn Đạt	04/06/79		Công ty TNHH XNK Việt	7.00	7.00	14.00	14.00	
186	V13.00216	Trần Sỹ Đạt	30/05/83		UBND huyện Mê Linh - HN	4.50	3.00	7.50	7.50	
187	V13.00217	Đinh Thị Điệp	07/04/89	Nữ	Công ty cổ phần công nghệ Eli	6.00	3.50	9.50	9.50	
188	V13.00218	Nguyễn Văn Điệp	03/10/86		Trung tâm Tân Đạt	6.00	5.50	11.50	11.50	
189	V13.00219	Phạm Hoài Điệp	06/04/85		Đại học Luật Hà Nội	6.00	6.50	12.50	12.50	
190	V13.00220	Nguyễn Hữu Đình	28/10/86		Công ty TNHH công nghệ Minh Hà	5.50	4.50	10.00	10.00	
191	V13.00221	Chu Bá Định	22/11/90		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
192	V13.00222	Nguyễn Thị Định	13/09/83	Nữ	Công ty CP Liên á Quốc tế	6.50	3.00	9.50	9.50	
193	V13.00223	Nguyễn Ngọc Định	24/06/87		Văn phòng hội Luậtgia Việt NAM	4.00	3.50	7.50	7.50	
194	V13.00224	Phạm Văn Định	11/06/89		Thí sinh tự do	4.00	4.00	8.00	8.00	
195	V13.00225	Đỗ Ngọc Đoàn	18/08/85		Công ty TNHH thương mại ACS Việt Nam	5.00	3.00	8.00	8.00	
196	V13.00226	Lê Công Đoàn	21/10/82		UBND P. Thanh Trì - HN	4.50	6.00	10.50	10.50	
197	V13.00227	Phan Minh Đoàn	06/08/82		Công ty CP đầu tư dịch vụ viễn thông Hoàng Long	5.00	2.00	7.00	7.00	
198	V13.00228	Hoàng Thị Thu Đông	16/12/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	6.50	13.00	13.00	
199	V13.00229	Lê Văn Đông	18/05/88		Thí sinh tự do	6.50	3.00	9.50	9.50	
200	V13.00230	Nguyễn Hồng Đông	17/07/91		Thí sinh tự do	5.00	4.50	9.50	9.50	
201	V13.00232	Đoàn Tiến Đông	12/09/73		Bộ Quốc phòng	5.50	6.50	12.00	12.00	
202	V13.00233	Đỗ Quang Độ	07/06/76		Văn Phòng tỉnh uỷ Hưng Yên	5.00	5.00	10.00	10.00	
203	V13.00234	Dương Minh Đức	29/12/88		Ngân hàng TMCP Quân đội	6.50	6.00	12.50	12.50	
204	V13.00235	Hoàng Ngọc Đức	07/08/86		Tổng công ty Bảo hiểm PVI	7.00	6.00	13.00	13.00	
205	V13.00236	Hồ Minh Đức	07/02/80		Công ty TNHH công nghệ Tân Đức	6.00	6.50	12.50	12.50	
206	V13.00237	Mai Anh Đức	12/10/91		Thí sinh tự do	4.75	4.50	9.25	9.50	
207	V13.00238	Nguyễn Xuân Đức	01/01/89		Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	
208	V13.00239	Nguyễn Quang Đức	03/12/87		Vinaconec 16	4.50	4.00	8.50	8.50	
209	V13.00240	Nguyễn Hoàng Đức	12/05/85		UBND Phường Đồng Xuân	4.50	5.00	9.50	9.50	
210	V13.00242	Nguyễn Anh Đức	20/11/82		Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
211	V13.00243	Phạm Hữu	Đức	18/06/87		CTCP giáo dục đào tạo nhân lực Việt	4.25	3.00	7.25	7.50	
212	V13.00246	Tạ Thị	Đức	07/06/83	Nữ	Thí sinh tự do	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
213	V13.00249	Dương Hương	Giang	02/12/90	Nữ	Thí sinh tự do	4.50	5.00	9.50	9.50	
214	V13.00250	Hoàng Hương	Giang	08/04/86	Nữ	Công ty TNHH Nguyễn Lập	4.50	6.00	10.50	10.50	
215	V13.00253	Nguyễn Thị Phương	Giang	19/01/82	Nữ	Công ty TNHH thương mại & Dịch vụ Hoa Giang	5.00	7.00	12.00	12.00	
216	V13.00254	Nguyễn Tân	Giang	05/09/91		Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
217	V13.00255	Nguyễn Hương	Giang	07/11/90	Nữ	Công ty cổ phần bảo hiểm bảo minh Thăng Long	4.50	5.50	10.00	10.00	
218	V13.00256	Nguyễn Thị	Giang	10/10/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
219	V13.00257	Nguyễn Tùng	Giang	30/07/80		Công ty TNHH Kiểm toán KTV	4.50	5.50	10.00	10.00	
220	V13.00258	Phạm Thị Lê	Giang	06/11/88	Nữ	Công ty CP truyền thông Việt Nam	6.00	6.00	12.00	12.00	
221	V13.00259	Phạm Hương	Giang	22/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
222	V13.00260	Trần Hương	Giang	14/03/90	Nữ	Thí sinh tự do	3.50	4.00	7.50	7.50	
223	V13.00261	Chu Văn	Giác	23/05/84		Cục hàng hải Việt Nam	7.00	6.00	13.00	13.00	
224	V13.00262	Nguyễn Thiết	Giáp	19/12/83		Công ty cổ phần đầu tư thương mại Nhất Tín	5.50	5.00	10.50	10.50	
225	V13.00263	Nguyễn Hữu	Giáp	29/08/89		Khách sạn Anise Hotel	4.00	5.00	9.00	9.00	
226	V13.00265	Sỹ Thịnh	Hanh	20/12/83		Ngân hàng VP Bank	6.00	4.00	10.00	10.00	
227	V13.00266	Bùi Văn	Hay	08/02/80		UBND Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	7.00	7.00	14.00	14.00	
228	V13.00267	Bùi Thị Ngọc	Hà	08/01/87	Nữ	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	6.00	6.00	12.00	12.00	
229	V13.00268	Bùi Thị	Hà	07/07/87	Nữ	TT Trợ giúp PL tỉnh Hà Giang	6.00	5.00	11.00	11.00	
230	V13.00269	Dương Đức	Hà	01/12/91		Viện khoa học pháp lý - BTP	3.50	5.00	8.50	8.50	
231	V13.00270	Đinh Thị Thu	Hà	20/05/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
232	V13.00271	Đinh Thị Ngân	Hà	22/07/90	Nữ	Ngân hàng NN & PTNT Trung Yên	7.50	7.00	14.50	14.50	
233	V13.00272	Hoàng Thị Thu	Hà	19/08/82	Nữ	Công ty cổ phần cồn rượu Hà Nội	5.50	6.00	11.50	11.50	
234	V13.00273	Hoàng Thị Hồng	Hà	14/04/91	Nữ	TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
235	V13.00274	Hoàng Thị Thu	Hà	26/01/86	Nữ	UBND P. Đồng Tâm - HBT	7.00	6.00	13.00	13.00	
236	V13.00275	Hoàng Tiến	Hà	26/06/87		Thí sinh tự do	4.50	5.50	10.00	10.00	
237	V13.00276	Ma Thị	Hà	10/06/87	Nữ	Viettinbank CN Thái Nguyên	4.50	6.00	10.50	10.50	
238	V13.00278	Nguyễn Thị Ngân	Hà	12/12/90	Nữ	Thí sinh tự do	4.75	5.00	9.75	10.00	
239	V13.00280	Nguyễn Việt	Hà	02/08/76		Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và công nghệ	7.00	5.50	12.50	12.50	
240	V13.00281	Nguyễn Thái	Hà	03/07/91	Nữ	Thí sinh tự do	4.00	3.00	7.00	7.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
241	V13.00282	Nguyễn Thu Hà	04/05/91	Nữ	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcom bank	6.00	6.00	12.00	12.00	
242	V13.00283	Nguyễn Thị Hà	04/08/87	Nữ	Công ty Samsung VN	5.75	6.00	11.75	12.00	
243	V13.00284	Nguyễn Việt Hà	15/07/89	Nữ	TSTD	5.00	5.00	10.00	10.00	
244	V13.00285	Nguyễn Thị Hà	19/07/87	Nữ	Viện nghiên cứu lập pháp	5.00	3.00	8.00	8.00	
245	V13.00286	Nguyễn Thu Hà	20/09/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	4.00	9.50	9.50	
246	V13.00287	Nguyễn Thị Hà	25/09/90	Nữ	Công ty Luật TNHH 1 thành viên Công phúc	6.00	3.50	9.50	9.50	
247	V13.00288	Hồ Văn Hào	01/01/72		Nhà Văn hoá Huyện Từ Liêm	4.50	4.50	9.00	9.00	
248	V13.00289	Phan Thanh Hà	18/01/86	Nữ	Tập đoàn Thái Bình Dương	4.50	7.00	11.50	11.50	
249	V13.00290	Phạm Thị Hà	07/08/75	Nữ	Tạp chí tài chính	5.00	2.00	7.00	7.00	
250	V13.00291	Phạm Hải Hà	30/12/87	Nữ	TSTD	4.50	4.00	8.50	8.50	
251	V13.00292	Trần Thị Thu Hà	29/04/77	Nữ	Sở Nội vụ TP Hà Nội	8.00	6.50	14.50	14.50	
252	V13.00293	Trần Thị Hà	14/01/86	Nữ	Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội	7.00	5.00	12.00	12.00	
253	V13.00295	Triệu Thị Hà	01/03/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.50	10.50	10.50	
254	V13.00296	Vũ Thị Thu Hà	02/11/82	Nữ	CT TNHH Deloihe VN	6.50	6.50	13.00	13.00	
255	V13.00297	Vũ Ngân Hà	12/10/91	Nữ	Công ty CP giao nhận toàn cầu	5.50	4.00	9.50	9.50	
256	V13.00298	Vũ Thị Hà	19/04/80	Nữ	Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản	6.50	6.00	12.50	12.50	
257	V13.00299	Vũ Thị Hà	24/11/86	Nữ	UBND P. Thượng Cát - Từ Liêm	6.00	6.50	12.50	12.50	
258	V13.00300	Chu Tuấn Hải	21/06/87		Công ty TNHH Viplife - Sacom bank	5.00	2.00	7.00	7.00	
259	V13.00301	Dương Thanh Hải	21/06/86		Công ty CP công nghệ tài chính viễn thông FTL	4.50	6.00	10.50	10.50	
260	V13.00302	Đinh Nam Hải	11/08/85		Tổng cục thi hành án DS - BTP	4.75	5.00	9.75	10.00	
261	V13.00303	Hà Mạnh Hải	15/07/89		Thí sinh tự do	5.50	2.00	7.50	7.50	
262	V13.00305	Nguyễn Minh Hải	03/07/90		Thí sinh tự do	6.50	3.50	10.00	10.00	
263	V13.00306	Nguyễn Khắc Hải	18/08/80		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
264	V13.00307	Nguyễn Văn Hải	20/01/91		Bảo người Hà Nội	5.00	4.50	9.50	9.50	
265	V13.00308	Nguyễn Vũ Hải	20/12/86		Công ty CP DV đấu giá VN	6.50	6.50	13.00	13.00	
266	V13.00311	Nguyễn Hoàng Hải	30/05/88		Công ty BDS Hoàng Vương	5.00	2.50	7.50	7.50	
267	V13.00312	Phan Việt Hải	11/08/91		Công ty CP rượu bia VN	4.50	3.50	8.00	8.00	
268	V13.00313	Tống Thị Hải	15/04/89	Nữ	Công ty TNHH kỹ nghệ Phúc Anh	4.00	3.50	7.50	7.50	
269	V13.00314	Trần Hữu Hải	09/12/89		TSTD	5.50	2.00	7.50	7.50	
270	V13.00316	Vũ Hồng Hải	27/05/82		Ngân hàng TMCP Đông Nam á	5.00	7.00	12.00	12.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
271	V13.00317	Ngô Thúy	Hảo	22/07/79	Nữ	Ngân hàng TNHH MTV Sandard Chantered Việt Nam	6.50	4.00	10.50	10.50	
272	V13.00319	Chu Sỹ	Hạnh	20/10/85		Công tư CP Tư vấn và đầu tư 99999	5.50	5.50	11.00	11.00	
273	V13.00320	Đinh Thị Hồng	Hạnh	20/08/87	Nữ	Công ty CP đầu tư công nghệ và nội dung Vega	5.00	5.00	10.00	10.00	
274	V13.00321	Đoàn Duy	Hạnh	06/03/87		Ngân hàng TMCP VIB	6.00	6.00	12.00	12.00	
275	V13.00322	Đỗ Mỹ	Hạnh	02/10/81	Nữ	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	5.50	6.00	11.50	11.50	
276	V13.00323	Hoàng Thị Thu	Hạnh	16/08/81	Nữ	Công ty TNHH Hồng ánh Nguyên	7.00	3.00	10.00	10.00	
277	V13.00324	Lê Thị Bích	Hạnh	14/06/88	Nữ	Đại học Kiểm sát Hà Nội	6.00	3.50	9.50	9.50	
278	V13.00325	Lê Thị Hồng	Hạnh	15/08/78	Nữ	Phòng Nội vụ, Quận Hai bà Trưng	6.50	6.00	12.50	12.50	
279	V13.00326	Lê Hữu	Hạnh	06/06/88		UBND P. Yên Nghĩa - Hà Đông	6.00	5.50	11.50	11.50	
280	V13.00327	Ngô Thị Hồng	Hạnh	05/07/83	Nữ	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	5.00	5.00	10.00	10.00	
281	V13.00329	Nguyễn Hồng	Hạnh	14/08/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
282	V13.00331	Hàn Hữu	Hậu	10/07/87		Ngân hàng NN & PT Nông thôn Láng Hạ	6.00	3.00	9.00	9.00	
283	V13.00332	Hoàng Văn	Hậu	18/05/88		Ngân hàng HSBC Việt Nam	7.00	5.50	12.50	12.50	
284	V13.00334	An Thị	Hằng	28/01/87	Nữ	UBND phường Liên Trung	6.00	6.00	12.00	12.00	
285	V13.00335	Dương Thị	Hằng	12/07/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.50	11.00	11.00	
286	V13.00336	Đỗ Thanh	Hằng	01/09/88	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.50	12.50	12.50	
287	V13.00337	Hoàng Thu	Hằng	11/11/83	Nữ	Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An	5.50	7.00	12.50	12.50	
288	V13.00338	Lê Hồng	Hằng	10/12/85	Nữ	Viện Dầu khí VN	6.50	4.00	10.50	10.50	
289	V13.00339	Lưu Thị Minh	Hằng	07/09/87	Nữ	Tạp chí Toàn cảnh sự kiện - Dự luận	6.00	6.50	12.50	12.50	
290	V13.00340	Ngô Thị Thuý	Hằng	12/01/76	Nữ	Trung tâm TVPL và trợ giúp cho gia đình liệt sỹ	4.50	4.50	9.00	9.00	
291	V13.00341	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	22/07/85	Nữ	CT TNHH Bình Mai	6.00	5.00	11.00	11.00	
292	V13.00342	Nguyễn Thị Thu	Hằng	01/01/84	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	4.50	10.00	10.00	
293	V13.00343	Nguyễn Thu	Hằng	07/08/89	Nữ	TT thu hồi nợ tín chấp Techcombank	7.50	7.00	14.50	14.50	
294	V13.00344	Nguyễn Thị	Hằng	14/12/87	Nữ	TSTD	4.50	5.00	9.50	9.50	
295	V13.00345	Nguyễn Thanh	Hằng	17/03/88	Nữ	Ngân hàng BIDV Bắc Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
296	V13.00346	Phạm Diệu Thúy	Hằng	20/04/89	Nữ	tổng công ty SBIC	5.00	7.00	12.00	12.00	
297	V13.00347	Phạm Thị Thúy	Hằng	25/01/76	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	4.50	10.00	10.00	
298	V13.00348	Phạm Thu	Hằng	21/10/88	Nữ	Tòa án nhân dân tối cao	6.75	6.50	13.25	13.50	
299	V13.00350	Trần Thị Minh	Hằng	22/08/86	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
300	V13.00352	Trần Thị	Hằng	22/05/88	Nữ	Công ty TNHH Thương mại &DV Thương Binh 27/7	7.00	5.00	12.00	12.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
301	V13.00353	Uông Bích	Hằng	19/10/90	Nữ	UBND Phường Bạch mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	6.00	3.00	9.00	9.00	
302	V13.00354	Nguyễn Văn	Hệ	18/09/87		Công ty xây dựng Cảng biển	5.00	5.00	10.00	10.00	
303	V13.00355	Lê Trung	Hiếu	10/11/86		Công ty CP tư vấn xây dựng công trình giao thông 2	6.00	6.50	12.50	12.50	
304	V13.00356	Nguyễn Đoàn Cao	Hiếu	03/08/91		Công ty CP Quảng Bá	5.00	5.50	10.50	10.50	
305	V13.00357	Nguyễn Đình	Hiếu	12/01/88		Công ty TNHH vải giày Thanh Cường	3.50	3.00	6.50	6.50	
306	V13.00359	Nguyễn Mạnh	Hiếu	18/11/90		Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	5.00	4.00	9.00	9.00	
307	V13.00360	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/83		Văn phòng thành uỷ	7.00	5.50	12.50	12.50	
308	V13.00361	Nguyễn Trung	Hiếu	28/03/88		Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	5.00	6.00	11.00	11.00	
309	V13.00362	Phạm Trung	Hiếu	20/10/79		Công ty CP đầu tư dịch vụ viễn thông Hoàng Long	5.00	6.50	11.50	11.50	
310	V13.00363	Trịnh Thị Hoàng	Hiếu	15/04/90	Nữ	TSTD	7.00	5.00	12.00	12.00	
311	V13.00364	Uông Văn	Hiếu	10/09/81		Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Navicom	7.00	7.00	14.00	14.00	
312	V13.00365	Lê Thị Thanh	Hiển	12/10/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	4.50	11.50	11.50	
313	V13.00367	Trần Thị	Hiển	13/06/88	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	3.50	6.00	9.50	9.50	
314	V13.00368	Vũ Bá	Hiển	12/02/90		Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.00	5.00	11.00	11.00	
315	V13.00369	Đào Đức	Hiệp	27/03/89		Thí sinh tự do	6.00	4.50	10.50	10.50	
316	V13.00371	Lê Ngọc	Hiệp	05/08/90		Công ty CP tư vấn BĐS và đầu tư toàn cầu	7.50	6.50	14.00	14.00	
317	V13.00373	Nguyễn Thị	Hiệp	29/07/79	Nữ	UBND phường Kim Mã	4.50	3.00	7.50	7.50	
318	V13.00374	Trần Viết	Hiệp	14/04/90		Ngân hàng VPBank	4.00	2.00	6.00	6.00	
319	V13.00375	Trịnh Vũ	Hiệp	07/04/81		Văn phòng Chính phủ	6.00	6.50	12.50	12.50	
320	V13.00381	Khuất Thị	Hoa	27/04/82	Nữ	Phòng Tài nguyên & MT huyện Thạch Thất	5.50	3.00	8.50	8.50	
321	V13.00382	Ngô Thị Phương	Hoa	30/06/82	Nữ	Công ty TNHH Banca	5.00	5.00	10.00	10.00	
322	V13.00383	Nguyễn Thị Mai	Hoa	31/10/88	Nữ	Trung tâm phát thanh truyền hình điện ảnh	6.00	6.50	12.50	12.50	
323	V13.00384	Nguyễn Mai	Hoa	06/07/91	Nữ	Công ty TNHH Dệt may á Châu	6.00	5.00	11.00	11.00	
324	V13.00386	Lê Văn	Hoan	05/10/85		Bộ Quốc phòng	6.50	7.50	14.00	14.00	
325	V13.00387	Vũ Đức	Hoan	07/10/85		Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
326	V13.00388	Bùi Thanh	Hoà	15/10/87	Nữ	Phòng công chứng số 2 - Sở tư pháp Hoà Bình	4.00	3.50	7.50	7.50	
327	V13.00389	Nguyễn Phương	Hoài	13/10/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.50	13.50	13.50	
328	V13.00390	Tuấn Thị Thu	Hoài	22/11/76	Nữ	Ban thời sự Đài tiếng nói VN	5.50	6.50	12.00	12.00	
329	V13.00391	Trần Văn	Hoài	21/12/86		Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
330	V13.00392	Dương Xuân	Hoàng	15/10/88		Thí sinh tự do	4.50	5.50	10.00	10.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	V13.00393	Đào Minh	Hoàng	09/03/90		Phòng tài nguyên môi trường Huyện Lạc Thủy-HB	6.50	6.50	13.00	13.00	
332	V13.00395	Đỗ Thanh	Hoàng	18/04/86		TT phát triển quỹ đất Q. Tây Hồ	7.00	5.00	12.00	12.00	
333	V13.00396	Lê Minh	Hoàng	05/02/84		Công ty cổ phần thông tin truyền thông Vũ Trọng	6.00	6.00	12.00	12.00	
334	V13.00397	Nguyễn Tiến	Hoàng	09/12/89		TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
335	V13.00399	Phan Lê	Hoàng	13/11/91		Tập đoàn Thái Bình Dương	5.50	6.50	12.00	12.00	
336	V13.00400	Phạm Huy	Hoàng	03/05/87		Công ty CP TM và dịch thuật TDN	6.00	5.50	11.50	11.50	
337	V13.00401	Phạm Minh	Hoàn	15/05/90		Thí sinh tự do	5.50	2.00	7.50	7.50	
338	V13.00402	Phạm Ngọc	Hoàng	18/11/84		Cục an toàn lao động	5.00	5.00	10.00	10.00	
339	V13.00403	Vũ	Hoàng	24/07/83		Cục quản lý đề điều và phòng chống lụt bão	4.50	5.50	10.00	10.00	
340	V13.00404	Vũ Gia	Hoàng	25/01/90		TSTD	6.00	6.50	12.50	12.50	
341	V13.00405	Vũ Quý	Hoàng	26/11/87		Công ty cổ phần kết nối	5.50	4.50	10.00	10.00	
342	V13.00406	Lê Văn	Hoàn	16/09/83		Thí sinh tự do	5.50	3.00	8.50	8.50	
343	V13.00407	Phan Thị	Hoàn	03/02/87	Nữ	CT TNHH TM Trần Vũ	5.00	4.00	9.00	9.00	
344	V13.00408	Phan Ngọc	Hoà	29/07/84		Thí sinh tự do	7.00	4.00	11.00	11.00	
345	V13.00409	Phạm Văn	Hoà	24/07/86		UBND Huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	6.00	4.50	10.50	10.50	
346	V13.00410	Cao Đăng	Hoạt	21/09/78		Công ty TNHH Nhạc Sơn	6.00	4.00	10.00	10.00	
347	V13.00411	Trần Đình	Hòa	05/04/88		TAND huyện Thanh Ba - Phú Thọ	6.50	6.50	13.00	13.00	
348	V13.00412	Trần Kim	Hòa	10/10/85		Công ty CP Tư vấn FITD	5.50	6.00	11.50	11.50	
349	V13.00413	Phạm Xuân	Học	05/11/88		Công ty TNHH xây dựng Minh Quang	6.50	3.50	10.00	10.00	
350	V13.00414	Đào Việt	Hồng	02/12/77		công ty tài chính TNHH MTC công nghệ tàu thủy	4.00	3.00	7.00	7.00	
351	V13.00415	Nguyễn Anh Thu	Hồng	11/09/86	Nữ	Văn phòng luật sư Phạm & Liên Danh	5.50	6.00	11.50	11.50	
352	V13.00416	Nguyễn Thị Bích	Hồng	01/01/84	Nữ	Thông tấn xã Việt Nam	4.50	6.00	10.50	10.50	
353	V13.00418	Nguyễn Duy	Hồng	09/03/87		Thành đoàn HN	5.50	5.00	10.50	10.50	
354	V13.00419	Phạm Thị Thu	Hồng	10/06/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
355	V13.00420	Vũ Thị Thu	Hồng	21/09/84	Nữ	UBND P. Đồng Tâm - HBT	5.50	4.00	9.50	9.50	
356	V13.00423	Vy ánh	Hồng	18/10/90	Nữ	Ngân hàng BIDV Đông Đô	7.00	5.00	12.00	12.00	
357	V13.00424	Đồng Quang	Hợp	23/10/85		CTCP giao dịch BĐS Vinaconex	6.00	5.50	11.50	11.50	
358	V13.00425	Nguyễn Xuân	Huân	14/11/79		Tập đoàn bảo việt	5.50	4.00	9.50	9.50	
359	V13.00426	Bùi Quang	Huấn	13/11/76		Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng	7.00	6.50	13.50	13.50	
360	V13.00427	Nguyễn Đình	Huấn	05/09/85		Công ty cổ phần TMĐT THT Việt Nam	5.00	2.00	7.00	7.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
361	V13.00428	Đào Thị	Huệ	04/11/90	Nữ	Phòng HTQT - ĐH Luật HN	5.50	5.50	11.00	11.00	
362	V13.00429	Mai Lê Minh	Huệ	18/03/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.00	9.00	9.00	
363	V13.00431	Phạm Thị Kim	Huệ	30/09/87	Nữ	Tổng công ty Sông Đà	5.25	6.00	11.25	11.50	
364	V13.00432	Đặng Quốc	Huy	11/07/88		Phòng tư pháp Quận Long Biên	5.50	4.00	9.50	9.50	
365	V13.00433	Đỗ Văn	Huy	16/04/87		Ngân hàng TMCP Đông á	5.50	5.00	10.50	10.50	
366	V13.00434	Đỗ Khắc	Huy	28/06/86		Công ty TNHH IMMANUEL	4.00	3.50	7.50	7.50	
367	V13.00435	Lương Đức	Huyền	10/01/87		Thí sinh tự do	6.75	4.50	11.25	11.50	
368	V13.00436	Lại Đức	Huy	22/11/89		Công ty cổ phần Ehome	6.00	6.00	12.00	12.00	
369	V13.00437	Nguyễn Văn	Huy	11/10/88		Công ty TNHH Vina Taiyo Spring	5.00	4.00	9.00	9.00	
370	V13.00438	Nguyễn Xuân	Huy	12/07/87		Thí sinh tự do	3.50	1.50	5.00	5.00	
371	V13.00439	Nguyễn Quang	Huy	19/07/91		Bộ Tư pháp	7.00	4.00	11.00	11.00	
372	V13.00440	Nguyễn Quang	Huy	30/12/87		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
373	V13.00441	Đào Thị Thu	Huyền	05/11/90	Nữ	Doanh nghiệp tư nhân Ngõ lành	5.25	4.00	9.25	9.50	
374	V13.00442	Đặng Thị Thu	Huyền	01/11/89	Nữ	Thí sinh tự do	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
375	V13.00445	Hồ Thị	Huyền	15/12/87	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.50	10.50	10.50	
376	V13.00446	Lại Thu	Huyền	02/09/90	Nữ	TSTD	7.50	7.00	14.50	14.50	
377	V13.00449	Ngô Thu	Huyền	10/02/90	Nữ	Phòng tài nguyên và môi trường Thường Tín	6.50	5.00	11.50	11.50	
378	V13.00450	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/10/87	Nữ	Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Mỹ Đức, HN	3.50	3.00	6.50	6.50	
379	V13.00451	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/05/88	Nữ	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	5.50	4.00	9.50	9.50	
380	V13.00453	Vũ Thanh	Huyền	15/03/87	Nữ	Công ty cổ phần Karaki Việt Nam	6.50	6.50	13.00	13.00	
381	V13.00454	Phạm Ngọc	Huy	15/10/85		Tổng công ty hàng hải VN	6.00	6.00	12.00	12.00	
382	V13.00455	Phạm Quốc	Huy	20/10/85		The Bank of Tokyo - Mitsubishi - HN	7.00	6.00	13.00	13.00	
383	V13.00456	Phạm Quang	Huy	20/12/82		Sư đoàn 312 - Quân đoàn 1	6.50	5.50	12.00	12.00	
384	V13.00457	Phạm Quang	Huy	31/08/90		Thí sinh tự do	4.50	3.00	7.50	7.50	
385	V13.00458	Tạ Đăng	Huy	08/02/82		Văn phòng Bộ Công an	4.50	5.00	9.50	9.50	
386	V13.00459	Trần Quốc	Huy	19/09/83		Văn phòng quốc hội	6.00	3.00	9.00	9.00	
387	V13.00460	Trần Quốc	Huy	31/08/82		UBND Phường Giang Biên, Long Biên	5.00	5.00	10.00	10.00	
388	V13.00461	Vũ Quốc	Huy	29/07/90		Công ty Inbisco Việt Nam	5.00	2.50	7.50	7.50	
389	V13.00462	Lã Quốc	Huỳnh	10/04/84		Sở TN và MT Hà Nam	3.50	5.50	9.00	9.00	
390	V13.00463	Dương Văn	Hùng	04/12/83		VKSND tỉnh Bắc Ninh	6.00	5.00	11.00	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
391	V13.00464	Dương Xuân	Hùng	24/01/82		Thí sinh tự do	4.50	3.00	7.50	7.50	
392	V13.00466	Đỗ Việt	Hùng	08/01/88		Công ty CP Kiến trúc Tàu Hồ	6.00	7.00	13.00	13.00	
393	V13.00467	Lê Mạnh	Hùng	05/05/82		Công ty CP TM & ĐT Phương Châu	6.00	6.50	12.50	12.50	
394	V13.00468	Lê Quang	Hùng	12/12/80		Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	6.00	6.50	12.50	12.50	
395	V13.00469	Lương Thế	Hùng	23/08/83		Thí sinh tự do	4.50	5.50	10.00	10.00	
396	V13.00471	Nguyễn Văn	Hùng	01/10/84		Quận ủy Thanh Xuân - HN	5.00	4.00	9.00	9.00	
397	V13.00474	Nguyễn Huy	Hùng	11/11/88		Ngân hàng TMCP Quân đội	7.00	6.00	13.00	13.00	
398	V13.00475	Nguyễn Đình	Hùng	11/11/86		Agribank - CN Bắc Hà Nội	6.00	6.00	12.00	12.00	
399	V13.00476	Nguyễn Việt	Hùng	18/10/88		UBND Quận Long Biên	6.50	5.00	11.50	11.50	
400	V13.00477	Phạm Quang	Hùng	15/10/85		Bộ Quốc phòng	5.00	4.50	9.50	9.50	
401	V13.00478	Phạm Việt	Hùng	20/04/90		Thí sinh tự do	5.00	2.00	7.00	7.00	
402	V13.00479	Trần Mạnh	Hùng	03/01/84		Mobifone Quảng Ninh	5.50	5.00	10.50	10.50	
403	V13.00481	Đào Thế	Hùng	12/01/82		UBND Phường Thạch Bàn, Long Biên	6.00	6.00	12.00	12.00	
404	V13.00482	Đặng Đức	Hùng	23/09/85		Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	6.00	7.00	13.00	13.00	
405	V13.00483	Đoàn Văn	Hùng	25/05/91		Thí sinh tự do	4.00	5.00	9.00	9.00	
406	V13.00484	Hoàng Ngọc	Hùng	25/10/86		FPT Software	6.00	3.00	9.00	9.00	
407	V13.00485	Hoàng Mạnh	Hùng	27/07/85		Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	6.50	5.00	11.50	11.50	
408	V13.00486	Lê Duy	Hùng	08/02/87		Ngân hàng TMCP Phương Nam	4.50	5.00	9.50	9.50	
409	V13.00488	Mai Bảo	Hùng	25/11/88		Bộ Quốc phòng	7.50	5.00	12.50	12.50	
410	V13.00489	Nguyễn Việt	Hùng	04/01/88		TSTD	4.50	3.00	7.50	7.50	
411	V13.00490	Nguyễn Quốc	Hùng	05/10/87		Bộ tư pháp	5.00	5.00	10.00	10.00	
412	V13.00491	Nguyễn Duy	Hùng	12/02/83		Công ty CP Hóa dầu vad xơ sợi dầu khí	5.50	5.00	10.50	10.50	
413	V13.00492	Nguyễn Việt	Hùng	28/01/78		Trường Đại học Tài chính - QTKD	5.50	6.00	11.50	11.50	
414	V13.00493	Phạm Quang	Hùng	10/09/86		Vinh Phúc	4.50	4.00	8.50	8.50	
415	V13.00494	Phạm	Hùng	26/11/88		Thí sinh tự do	7.00	7.00	14.00	14.00	
416	V13.00495	Vũ Duy	Hùng	07/12/89		UBND P. Cầu Diễn - HN	6.00	4.50	10.50	10.50	
417	V13.00496	Vũ Quốc	Hùng	28/09/85		Tổng cục IV - Bộ Công An	7.00	6.50	13.50	13.50	
418	V13.00497	Bùi Thị Thanh	Hương	25/06/89	Nữ	TSTD	4.50	4.50	9.00	9.00	
419	V13.00498	Dương Thị Thu	Hương	14/10/86	Nữ	Viettel Telecom	5.50	4.50	10.00	10.00	
420	V13.00500	Hoàng Thị Xuân	Hương	11/06/85	Nữ	UBND thị trấn Yên Viên	7.00	5.50	12.50	12.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
421	V13.00501	Lê Thị Thanh	Hương	23/09/87	Nữ	Công ty CP VH&TT Nhã Nam	6.50	1.50	8.00	8.00	
422	V13.00503	Lương Thị Thu	Hương	19/09/89	Nữ	Ngân hàng ANZ	6.00	6.00	12.00	12.00	
423	V13.00505	Nguyễn Thị Hoài	Hương	06/05/78	Nữ	UBND Phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	4.50	1.00	5.50	5.50	
424	V13.00506	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/08/77	Nữ	Công ty cổ phần thép Việt - ý	6.00	7.50	13.50	13.50	
425	V13.00507	Nguyễn Thị Thanh	Hương	14/12/86	Nữ	UBND xã An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng	5.00	4.00	9.00	9.00	
426	V13.00510	Nguyễn Thị Thu	Hương	17/01/82	Nữ	VKS ND Quận Đống Đa	4.50	3.00	7.50	7.50	
427	V13.00511	Nguyễn Thị Lan	Hương	09/08/85	Nữ	Cục trợ giúp pháp lý	4.00	6.50	10.50	10.50	
428	V13.00513	Nguyễn Thu	Hương	22/01/87	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Dương	6.00	5.00	11.00	11.00	
429	V13.00514	Phạm Thị Thu	Hương	08/08/87	Nữ	Văn phòng Quốc hội	6.00	6.50	12.50	12.50	
430	V13.00515	Phạm Thị Thu	Phương	10/11/90	Nữ	Công ty TNHH Covilaw Việt Nam	4.50	6.00	10.50	10.50	
431	V13.00516	Phạm Thu	Hương	11/10/88	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.00	10.50	10.50	
432	V13.00518	Tạ Thị	Hương	12/07/87	Nữ	TSTD	7.00	5.50	12.50	12.50	
433	V13.00519	Trịnh Thị Diễm	Hương	28/05/87	Nữ	UBND Phường Đại Kim	6.50	6.50	13.00	13.00	
434	V13.00520	Trương Thị Lan	Hương	15/09/89	Nữ	UBND xã Ngũ Hiệp	5.00	6.50	11.50	11.50	
435	V13.00521	Vũ Thị Lan	Hương	10/02/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	
436	V13.00522	Bùi Thị Bích	Hường	01/04/77	Nữ	Đài truyền hình Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
437	V13.00523	Bùi Thái	Hường	03/04/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
438	V13.00524	Nguyễn Thị	Hường	20/05/87	Nữ	Công ty TNHH kiến trúc & nội thất Sao Việt	4.00	4.00	8.00	8.00	
439	V13.00526	Nguyễn Lê Hải	Khánh	27/06/88		TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
440	V13.00527	Nguyễn Thị Vân	Khánh	21/05/80	Nữ	UBND P. Đông Ngạc - TL	5.50	3.00	8.50	8.50	
441	V13.00528	Chu Bá	Khải	02/03/88		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
442	V13.00529	Nguyễn Thanh	Khiêm	16/11/84		Công ty CP chứng khoán Bảo Việt	6.00	5.00	11.00	11.00	
443	V13.00530	Phạm Văn	Khiêm	10/11/85		Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
444	V13.00532	Trịnh Minh	Khoa	11/11/88		Công ty CK ngân hàng Ngoại thương VN	5.00	6.00	11.00	11.00	
445	V13.00533	Vi Đăng	Khoa	17/09/91		Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
446	V13.00534	Phạm Linh	Khôi	14/08/87	Nữ	PV Combank	5.00	2.00	7.00	7.00	
447	V13.00535	Nguyễn Thị Mai	Khuyên	15/06/89	Nữ	Công ty TNHH MTV T608	6.00	6.00	12.00	12.00	
448	V13.00537	Trương Thị	Khuyên	18/05/79	Nữ	TT nghiên cứu đào tạo và phát triển kỹ năng QL	6.00	6.50	12.50	12.50	
449	V13.00538	Đỗ Bá	Khương	24/05/87		Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
450	V13.00539	Đàm Đình	Kiên	08/09/84		TSTD	0.00	.	0.00	0.00	VPQC

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
451	V13.00541	Nguyễn Trung	Kiên	14/03/85		Công ty CK Agribank	4.50	6.00	10.50	10.50	
452	V13.00542	Nguyễn Trung	Kiên	17/03/88		Thí sinh tự do	6.00	6.50	12.50	12.50	
453	V13.00543	Nguyễn Văn	Kiên	21/03/85		Thí sinh tự do	6.00	4.50	10.50	10.50	
454	V13.00545	Nông Trung	Kiên	10/12/90		Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
455	V13.00546	Phạm Trung	Kiên	16/12/90		Phường Cầu Đất, Ngõ Quyền, Hải Phòng	7.00	4.50	11.50	11.50	
456	V13.00547	Tạ Đăng	Kiên	15/03/86		BCH Đoàn Quận Nam Từ Liêm	5.00	5.00	10.00	10.00	
457	V13.00548	Trần Trung	Kiên	24/10/83		Bệnh viện Mắt TW	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
458	V13.00549	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	28/10/88	Nữ	Đảng ủy xã Dương Hà, Gia Lâm	7.00	5.00	12.00	12.00	
459	V13.00550	Lê Văn	Kỳ	14/05/87		Công ty bảo vệ nhân thọ	6.00	5.00	11.00	11.00	
460	V13.00551	Vũ Văn	Lai	28/08/80		TT Tin học - ĐH Luật HN	6.00	6.00	12.00	12.00	
461	V13.00552	Lê Thị Hải	Lam	14/08/84	Nữ	Công ty TM xuất nhập khẩu Viettel	3.00	5.00	8.00	8.00	
462	V13.00553	Chu Thị Tuyết	Lan	05/12/75	Nữ	Công ty cổ phần MITEC	5.00	6.00	11.00	11.00	
463	V13.00554	Đoàn Thị	Lan	24/08/83	Nữ	UBND Huyện Thanh Hà- Hải Dương	6.50	5.50	12.00	12.00	
464	V13.00555	Đỗ Thị	Lan	04/12/88	Nữ	TSTD	4.50	4.00	8.50	8.50	
465	V13.00556	Ngô Thị Thanh	Lan	28/02/86	Nữ	Sở giao dịch Agribank	6.00	5.00	11.00	11.00	
466	V13.00557	Nguyễn Thu	Lan	20/07/89	Nữ	Ngân hàng Việt Nam phát triển Thịnh Vượng	5.50	6.00	11.50	11.50	
467	V13.00558	Phạm Hoàng	Lan	07/02/89	Nữ	CTCP thế giới số Trần Anh	4.00	4.00	8.00	8.00	
468	V13.00559	Tạ Thị Hoàng	Lan	29/06/90	Nữ	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.00	4.50	9.50	9.50	
469	V13.00561	Mai Thành	Lâm	21/10/83		Công ty CP tư vấn mỏ và CN Vinacomin	6.00	2.50	8.50	8.50	
470	V13.00562	Nguyễn Hồ Mạnh	Lâm	22/10/86		Tổng công ty 36 - Bộ Quốc phòng	5.50	3.00	8.50	8.50	
471	V13.00563	Nguyễn Đức	Lâm	21/01/83		Thí sinh tự do	3.00	4.00	7.00	7.00	
472	V13.00565	Phạm Hoàng	Lân	13/08/84		CT TNHH XNK & TM Gia Phạm	5.00	4.00	9.00	9.00	
473	V13.00567	Lưu Thị Thuỳ	Lê	20/09/90	Nữ	Công ty TNHH Techone Việt Nam	5.50	6.00	11.50	11.50	
474	V13.00568	Phan Thị Việt	Lê	08/08/78	Nữ	Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh VN	5.00	6.50	11.50	11.50	
475	V13.00569	Đỗ Thị Thu	Liên	03/02/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	
476	V13.00570	Lê Thị Kim	Liên	24/07/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.00	9.00	9.00	
477	V13.00571	Nguyễn Thị Hồng	Liên	10/01/83	Nữ	Công ty CPTM và Công nghệ á Châu	5.50	6.00	11.50	11.50	
478	V13.00573	Phạm Phương	Liên	07/07/89	Nữ	Ngân hàng Agribank - CN Sơn Dương	5.00	4.00	9.00	9.00	
479	V13.00574	Bùi Thị Nhật	Linh	29/06/88	Nữ	Chi cục Thuế Quận Ba Đình	7.00	4.00	11.00	11.00	
480	V13.00576	Bùi Hoàng	Linh	07/01/85		Thí sinh tự do	5.50	2.50	8.00	8.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
481	V13.00577	Bùi Đăng	Linh	24/05/90		Công ty TNHH tư vấn đầu tư KHL	5.50	5.00	10.50	10.50	
482	V13.00578	Đào Tuấn	Linh	05/10/89		TSTD	6.00	7.00	13.00	13.00	
483	V13.00579	Đào Thuỳ	Linh	06/03/91	Nữ	Công ty CP TMDV kết cấu thép xây dựng Quang	5.50	5.50	11.00	11.00	
484	V13.00580	Đặng Thuỳ	Linh	06/04/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.50	9.50	9.50	
485	V13.00581	Đặng Duy	Linh	07/10/87		TSTD	4.50	5.50	10.00	10.00	
486	V13.00584	Hà Mạnh	Linh	01/03/88		Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
487	V13.00585	Hoàng Thị Diệu	Linh	05/09/89	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
488	V13.00586	Hoàng Phương	Linh	12/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
489	V13.00587	Hoàng Thuỳ	Linh	19/12/83	Nữ	Công ty KPMG	6.00	4.00	10.00	10.00	
490	V13.00589	Lương Thuỳ	Linh	10/02/82	Nữ	UBND Phường Khâm Thiên	6.50	6.50	13.00	13.00	
491	V13.00590	Mai Trọng	Linh	06/04/89		Thanh tra Bộ Xây dựng	5.50	4.50	10.00	10.00	
492	V13.00591	Nghiêm Khánh	Linh	11/09/78		Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.50	3.00	7.50	7.50	
493	V13.00594	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	27/05/90	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	5.00	3.00	8.00	8.00	
494	V13.00595	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	14/07/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	5.00	12.00	12.00	
495	V13.00599	Nguyễn Thùy	Linh	07/06/86	Nữ	TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
496	V13.00600	Nguyễn Đức	Linh	08/04/85		Công ty bảo hiểm BIDV	7.50	7.00	14.50	14.50	
497	V13.00601	Nguyễn Nhật	Linh	16/09/86		Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam	5.50	3.50	9.00	9.00	
498	V13.00602	Nguyễn Hồng	Linh	24/09/88		Công ty CP công nghệ truyền thông số 1	6.00	3.50	9.50	9.50	
499	V13.00603	Nguyễn Thị	Linh	29/05/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
500	V13.00604	Nguyễn Phương	Linh	31/08/89	Nữ	Công ty TNHH đầu tư TMDV Long Hưng	4.00	4.00	8.00	8.00	
501	V13.00605	Phạm Thị Thuỳ	Linh	03/07/83	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
502	V13.00606	Phạm Văn	Linh	05/11/84		Công ty CP phát triển NPTVN	5.00	5.00	10.00	10.00	
503	V13.00607	Phạm Thị	Linh	16/10/89	Nữ	TSTD	5.00	6.00	11.00	11.00	
504	V13.00608	Phạm Tố	Linh	16/11/90	Nữ	TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
505	V13.00610	Trịnh Đăng	Linh	24/04/86		Công ty TNHH Xăng dầu Minh Dũng	5.50	3.50	9.00	9.00	
506	V13.00611	Từ Thị Thuỳ	Linh	04/09/91	Nữ	CTCP Nhà Tân Khang	7.00	3.50	10.50	10.50	
507	V13.00612	Vũ Thị Mai	Linh	05/02/91	Nữ	Công ty TNHH Việt Phát Thăng Long	7.00	6.50	13.50	13.50	
508	V13.00613	Vũ Ngọc	Linh	12/11/86		Thí sinh tự do	6.50	7.00	13.50	13.50	
509	V13.00614	Vũ Thùy	Linh	25/12/83	Nữ	Hội Luật gia Việt Nam	6.50	7.00	13.50	13.50	
510	V13.00615	Lý Thị	Linh	22/03/90	Nữ	Tạp chí thực phẩm chức năng	7.00	5.50	12.50	12.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
511	V13.00616	Đỗ Phương	Loan	16/01/88	Nữ	UBND P. Đại Kim - Hoàng Mai - HN	5.00	3.00	8.00	8.00	
512	V13.00617	Nguyễn Thị Mai	Loan	13/11/86	Nữ	UBND Phường Ngọc Hà	6.75	1.50	8.25	8.50	
513	V13.00619	Nguyễn Thị Thanh	Loan	04/10/90	Nữ	Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội	5.00	4.00	9.00	9.00	
514	V13.00620	Dương Đức	Long	25/12/88		Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	5.00	7.00	12.00	12.00	
515	V13.00621	Đặng Ngọc	Long	02/07/92		Thí sinh tự do	5.00	4.00	9.00	9.00	
516	V13.00622	Đỗ Danh	Long	23/09/88		Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
517	V13.00623	Lê Khắc	Long	05/06/86		Đài phát thanh truyền hình Hà Nội	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
518	V13.00624	Nguyễn Đăng Vũ	Long	29/01/76		Công ty TNHH Quốc tế D&N	5.00	2.00	7.00	7.00	
519	V13.00626	Nguyễn Văn	Long	07/10/91		Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn A&C	5.50	6.00	11.50	11.50	
520	V13.00627	Nguyễn Đức	Long	10/11/89		Công ty TNHH Wesale - VN	6.50	7.00	13.50	13.50	
521	V13.00628	Nguyễn Bá	Long	22/08/87		Thí sinh tự do	5.00	2.00	7.00	7.00	
522	V13.00629	Nguyễn Hoàng	Long	28/10/85		Báo đời sống pháp luật	5.00	4.50	9.50	9.50	
523	V13.00630	Phạm Vũ	Long	26/05/88		Thanh tra Chính phủ	5.50	5.00	10.50	10.50	
524	V13.00633	Nguyễn Thị Hoàng	Lộc	22/07/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
525	V13.00634	Tô Văn	Lộc	08/07/87		Thí sinh tự do	4.00	4.00	8.00	8.00	
526	V13.00635	Nguyễn Thành	Luân	05/05/86		Bộ Quốc phòng	7.00	7.50	14.50	14.50	
527	V13.00637	Hoàng Ngọc	Luyến	06/12/85		Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Minh Nhật	6.50	2.50	9.00	9.00	
528	V13.00639	Nguyễn Thị	Lụa	15/10/88	Nữ	Báo tuổi trẻ	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
529	V13.00641	Nguyễn Văn	Lưu	24/11/83		Bộ Quốc phòng	7.50	7.50	15.00	15.00	
530	V13.00642	Trần Vũ	Lưu	20/07/84		Kiểm toán nhà nước	7.00	5.00	12.00	12.00	
531	V13.00643	Nguyễn Thị Hải	Ly	07/03/89	Nữ	Báo kiểm toán	4.50	5.00	9.50	9.50	
532	V13.00644	Nguyễn Cẩm	Ly	10/10/89	Nữ	Trường mầm non Royal City	5.50	5.00	10.50	10.50	
533	V13.00645	Phạm Hương	Ly	14/06/90	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	6.00	6.50	12.50	12.50	
534	V13.00646	Vương Hương	Ly	26/11/83	Nữ	UBND P. Đồng Tâm - HBT	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
535	V13.00648	Bùi Thị Ngọc	Mai	30/08/91	Nữ	Thí sinh tự do	3.50	6.00	9.50	9.50	
536	V13.00649	Hoàng Thị Ngọc	Mai	13/09/90	Nữ	Công ty TNHH TM&DV Phương Phát	6.50	4.00	10.50	10.50	
537	V13.00650	Vũ Thị Ngọc	Mai	13/11/88	Nữ	Thí sinh tự do	4.00	6.00	10.00	10.00	
538	V13.00651	Lê Thị	Mai	14/08/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
539	V13.00652	Lê Thị	Mai	31/03/91	Nữ	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực phía Bắc	5.00	5.00	10.00	10.00	
540	V13.00653	Nguyễn Thị Hoa	Mai	06/04/89	Nữ	UBND xã Hà Thạch, Phú Thọ	5.00	5.00	10.00	10.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
541	V13.00654	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	27/07/80	Nữ	UBND xã Cẩm Yên	5.00	6.50	11.50	11.50	
542	V13.00655	Nguyễn Tú	Mai	05/07/87	Nữ	Công ty CP Phú Bình Hoà Lạc	5.00	6.00	11.00	11.00	
543	V13.00656	Nguyễn Nhật	Mai	14/04/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
544	V13.00657	Phạm Thị Tuyết	Mai	16/10/87	Nữ	Công ty TNHH ĐTTM& sản xuất KD nhựa Tiến Đạt	7.00	5.00	12.00	12.00	
545	V13.00658	Trần Thị Thanh	Mai	12/01/88	Nữ	Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Trang Anh	5.00	3.00	8.00	8.00	
546	V13.00659	Vũ Thị Quỳnh	Mai	17/11/91	Nữ	Văn phòng Công chứng Công Minh	5.75	7.00	12.75	13.00	
547	V13.00660	Vũ Phương	Mai	22/11/91	Nữ	TSTD	6.50	6.50	13.00	13.00	
548	V13.00661	Nguyễn Đức	Mạnh	03/03/88		UBND xã Tân Hội	4.00	6.00	10.00	10.00	
549	V13.00662	Nguyễn Duy	Mạnh	23/05/90		Bộ Quốc phòng	5.50	7.00	12.50	12.50	
550	V13.00663	Tạ Văn	Mây	21/11/82		Trung tâm tin học ứng dụng	4.00	3.00	7.00	7.00	
551	V13.00664	Cù Thị	Mến	15/04/77	Nữ	UBND phường Ngọc Lâm	2.00	3.50	5.50	5.50	
552	V13.00666	Tạ Thị	Mến	12/06/88	Nữ	Công ty cổ phần công nghệ Techmart VN	6.00	5.00	11.00	11.00	
553	V13.00667	Chu Quang	Minh	27/04/82		Công ty cổ phần cao su sao vàng	5.50	5.00	10.50	10.50	
554	V13.00669	Đặng Quang	Minh	24/11/85		Liên hiệp HII	5.00	5.00	10.00	10.00	
555	V13.00670	Đỗ Thị ánh	Minh	28/03/87	Nữ	Công ty cổ phần hoá chất Việt Nam	5.00	4.00	9.00	9.00	
556	V13.00671	Lê Duy	Minh	04/05/89		Chi cục thuế Cẩm Phả - QN	5.00	4.00	9.00	9.00	
557	V13.00672	Mã Văn	Minh	01/06/87		Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	
558	V13.00673	Nguyễn Thị Hồng	Minh	24/06/89	Nữ	Dự án phát triển lập pháp Quốc gia	6.50	6.50	13.00	13.00	
559	V13.00674	Nguyễn Thị Thảo	Minh	24/08/91	Nữ	Công ty TNHH 1 thành viên ĐTPT thuỷ lợi SĐ	5.50	6.00	11.50	11.50	
560	V13.00675	Nguyễn Thị	Minh	04/04/85	Nữ	Công ty TNHH ABB	7.00	6.00	13.00	13.00	
561	V13.00676	Nguyễn Xuân	Minh	10/11/91		Văn phòng Luật sư DEWCO	5.50	4.00	9.50	9.50	
562	V13.00678	Nguyễn Bình	Minh	23/04/82		Thanh tra sở NN & PT nông thôn HN	7.00	7.00	14.00	14.00	
563	V13.00679	Nguyễn Công	Minh	30/06/80		Tạp chí kiểm sát	4.00	4.00	8.00	8.00	
564	V13.00681	Phạm Lê	Minh	16/12/74	Nữ	Công ty BHNT Prudential Việt Nam	4.50	4.50	9.00	9.00	
565	V13.00682	Phạm Quốc	Minh	17/02/92		Thí sinh tự do	6.50	6.50	13.00	13.00	
566	V13.00683	Quản Thị Hồng	Minh	09/10/85	Nữ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín	5.00	.	5.00	5.00	
567	V13.00684	Tống Lê	Minh	13/12/86		Công ty CPĐTXDTM Vifrico	6.00	2.00	8.00	8.00	
568	V13.00685	Trần Hữu Duy	Minh	15/10/88		Học viện Ngoại giao	6.00	6.00	12.00	12.00	
569	V13.00686	Trần Thị Thanh	Minh	21/12/83	Nữ	Công ty TNHH KPMG	6.50	6.00	12.50	12.50	
570	V13.00687	Trần Quang	Minh	07/10/90		Công ty TNHH Brodev Việt Nam	4.00	4.50	8.50	8.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
571	V13.00688	Trần Lê	Minh	08/11/84		Tổng công ty Vinacones	6.50	5.50	12.00	12.00	
572	V13.00689	Trịnh Văn	Minh	03/06/86		Công ty phát triển công nghệ Vinachip	5.00	.	5.00	5.00	
573	V13.00691	Nguyễn Văn	Mỹ	04/02/84		Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam 1	6.50	6.00	12.50	12.50	
574	V13.00692	Đặng Tuấn	Nam	16/11/89		Thí sinh tự do	2.00	3.50	5.50	5.50	
575	V13.00694	Lê Minh	Nam	25/08/87		Công ty TNHH XNK Sơn Thủy	6.00	5.00	11.00	11.00	
576	V13.00695	Lưu Hoài	Nam	03/11/90		Thí sinh tự do	6.50	2.00	8.50	8.50	
577	V13.00696	Nguyễn Tiến	Nam	05/04/84		Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	5.00	3.00	8.00	8.00	
578	V13.00697	Nguyễn Đình	Nam	10/10/90		Công ty thiết bị kỹ thuật á Châu	5.00	2.50	7.50	7.50	
579	V13.00698	Nguyễn Thanh	Nam	12/01/84		CTCP dịch vụ kết nối số VTC	5.00	5.00	10.00	10.00	
580	V13.00699	Nguyễn Hữu	Nam	21/07/89		Công ty TNHH dược phẩm Rừng Vàng	6.50	6.00	12.50	12.50	
581	V13.00702	Phạm Văn	Nam	07/05/91		Công ty thẩm định giá	6.50	5.50	12.00	12.00	
582	V13.00703	Trần Thành	Nam	03/06/84		Ngân hàng BIDV Đông Đô	6.00	5.00	11.00	11.00	
583	V13.00705	Trịnh Bình	Nam	31/12/91		Thí sinh tự do	6.50	6.00	12.50	12.50	
584	V13.00706	Đỗ Minh	Năng	25/07/86		Công ty CPĐT&XD số 1 Hà Thành	6.50	6.00	12.50	12.50	
585	V13.00707	Chu Thị Việt	Nga	16/05/85	Nữ	CTCP DV kỹ thuật viễn thông Hà Nội	5.50	4.00	9.50	9.50	
586	V13.00708	Lê Thị Thanh	Nga	02/01/90	Nữ	TSTD	6.00	5.00	11.00	11.00	
587	V13.00709	Nguyễn Thị Thanh	Nga	17/04/89	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
588	V13.00710	Nguyễn Thị Thanh	Nga	06/12/87	Nữ	Tổng cục Biển và hải đảo Việt Nam	5.50	2.50	8.00	8.00	
589	V13.00711	Nguyễn Thị ánh	Nga	14/11/86	Nữ	Tổng cục Hải quan	7.00	5.00	12.00	12.00	
590	V13.00712	Nguyễn Thị	Nga	04/01/90	Nữ	Công ty Giải pháp & cung ứng công nghệ IGF	6.50	4.00	10.50	10.50	
591	V13.00713	Trần Thị Thanh	Nga	12/10/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	7.00	13.50	13.50	
592	V13.00714	Vũ Thị Hằng	Nga	01/01/91	Nữ	Khách sạn Crown Plaza Vest HN	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
593	V13.00715	Mai Thị Hồng	Ngát	22/06/86	Nữ	Toà án nhân dân tối cao	4.00	4.00	8.00	8.00	
594	V13.00716	Nguyễn Thị Thanh	Ngà	01/05/85	Nữ	UBND phường Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm	6.00	5.00	11.00	11.00	
595	V13.00717	Nguyễn Thị Huyền	Ngà	09/12/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	6.50	13.00	13.00	
596	V13.00719	Đồng Thị	Ngân	18/10/86	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	5.50	12.50	12.50	
597	V13.00720	Hoàng Thị Thu	Ngân	10/02/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	7.00	14.00	14.00	
598	V13.00721	Ngọc Thị Thuý	Ngân	17/10/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.00	10.50	10.50	
599	V13.00722	Nguyễn Kim	Ngân	07/09/89	Nữ	Công ty CP chứng khoán phố Wall	6.00	4.00	10.00	10.00	
600	V13.00723	Nguyễn Thị	Ngân	19/07/90	Nữ	Trung tâm phát triển quỹ đất Mê Linh	5.00	4.00	9.00	9.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
601	V13.00725	Hà Công	Nghĩa	06/01/73		Vụ Nghiên cứu - ủy ban Kiểm tra Trung ương	7.00	6.50	13.50	13.50	
602	V13.00726	Nguyễn Hữu	Nghĩa	29/08/88		TSTD	5.50	4.00	9.50	9.50	
603	V13.00727	Nguyễn Chính	Nghĩa	17/01/86		Tòa án nhân dân tối cao	3.00	3.00	6.00	6.00	
604	V13.00728	Phạm Văn	Nghĩa	09/04/68		Công ty TNHH đầu tư hợp tác lộc phát toàn cầu	6.50	6.00	12.50	12.50	
605	V13.00729	Trần Đại	Nghĩa	02/10/81		CTCP tập đoàn CN Thiên Phú	5.50	5.00	10.50	10.50	
606	V13.00730	Trần Đại	Nghĩa	28/04/86		Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	6.00	6.00	12.00	12.00	
607	V13.00731	Đặng Kim	Ngọc	17/06/91	Nữ	Công ty TNHH PSC Việt Nam	5.00	1.00	6.00	6.00	
608	V13.00732	Hà Thị Như	Ngọc	05/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.50	5.00	12.50	12.50	
609	V13.00733	Hồ Đức	Ngọc	11/11/77		Công ty môi trường đô thị VN	4.00	3.50	7.50	7.50	
610	V13.00734	Kiều Thị	Ngọc	03/09/91		Thí sinh tự do	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
611	V13.00735	Lê Hồng	Ngọc	08/04/88	Nữ	UBND xã Đông Phú, Đông Sơn, Thanh Hoá	6.50	6.00	12.50	12.50	
612	V13.00736	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	26/11/88	Nữ	TAND Huyện Duy Tiên	5.00	5.00	10.00	10.00	
613	V13.00738	Nguyễn Khánh	Ngọc	08/12/91	Nữ	Công ty cổ phần thế giới nhân lực	4.00	5.50	9.50	9.50	
614	V13.00739	Nguyễn Văn	Ngọc	09/11/80		Công ty cổ phần phát triển xây dựng Vĩnh Phúc	4.50	4.00	8.50	8.50	
615	V13.00740	Nguyễn Văn	Ngọc	25/12/79		Tổng công ty du lịch Hà Nội	4.50	4.00	8.50	8.50	
616	V13.00741	Nguyễn Bích	Ngọc	29/07/90	Nữ	Công ty cổ phần thương mại & truyền thông Vinasing	6.00	5.00	11.00	11.00	
617	V13.00742	Phạm Thị Quỳnh	Ngọc	13/10/79	Nữ	Công ty TNHH KPMG	6.50	6.00	12.50	12.50	
618	V13.00743	Hoàng Thị Thu	Nguyên	26/11/89	Nữ	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN	6.00	5.50	11.50	11.50	
619	V13.00744	Lưu Thị Bình	Nguyên	04/08/85	Nữ	Báo điện tử tin nhanh Việt Nam VNEXPRESS	6.50	6.00	12.50	12.50	
620	V13.00745	Lương Thanh	Nguyệt	29/05/87	Nữ	Công ty TNHH Tâm nhìn và liên doanh	5.50	5.00	10.50	10.50	
621	V13.00746	Nguyễn Minh	Nguyệt	21/08/85	Nữ	Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam	7.00	5.00	12.00	12.00	
622	V13.00748	Vũ Thị	Nguyệt	06/03/79	Nữ	Trường PTTH Lý Thái Tổ - Từ Sơn - Bắc Ninh	7.00	7.00	14.00	14.00	
623	V13.00749	Trần Ngọc	Ngũ	28/05/81		Công ty CP Tư vấn Kiến trúc đô thị Hà Nội	4.50	4.00	8.50	8.50	
624	V13.00750	Lê Thanh	Nhàn	20/09/90	Nữ	Công ty CPTM và Dược phẩm Trí Đức	6.50	6.50	13.00	13.00	
625	V13.00751	Phạm Thị	Nhàn	10/09/90	Nữ	Công ty TNHH Quý Cao	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
626	V13.00753	Đỗ Quốc	Nhật	12/09/85		Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
627	V13.00754	Nguyễn Dương Nhật	Nhật	18/04/89	Nữ	Tòa án nhân dân tối cao	6.00	3.50	9.50	9.50	
628	V13.00755	Trịnh Thị	Nhi	20/06/91	Nữ	Công ty CP Đầu tư và phát triển EG Việt Nam	4.50	5.00	9.50	9.50	
629	V13.00758	Đào Kim	Nhung	30/05/80	Nữ	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, quận Tây Hồ	6.50	4.50	11.00	11.00	
630	V13.00760	Đoàn Hồng	Nhung	12/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.50	6.00	13.50	13.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
631	V13.00761	Hoàng Mai	Nhung	14/10/80	Nữ	Công ty cổ phần truyền thông kim cương	6.50	6.50	13.00	13.00	
632	V13.00762	Hoàng Kim	Nhung	24/10/83	Nữ	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng HN	6.00	7.00	13.00	13.00	
633	V13.00763	Lê Thị	Nhung	21/05/87	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
634	V13.00764	Ngô Thị	Nhung	20/03/80	Nữ	UBND Phường Phú Đô	5.50	5.50	11.00	11.00	
635	V13.00766	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/11/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.00	11.50	11.50	
636	V13.00767	Nguyễn Thị Phương	Nhung	29/01/89	Nữ	Công ty CP xây dựng & KHHT Thành Nam	6.00	4.00	10.00	10.00	
637	V13.00768	Nguyễn Thị	Nhung	09/10/90	Nữ	VKSND Quận Hai Bà Trưng	6.00	6.00	12.00	12.00	
638	V13.00769	Nguyễn Hồng	Nhung	26/01/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.50	11.00	11.00	
639	V13.00770	Nguyễn Thị	Nhung	28/10/87	Nữ	CT TNHH Deloihe VN	5.50	6.00	11.50	11.50	
640	V13.00771	Phùng Tuyết	Nhung	24/03/83	Nữ	UBND phường Thanh Lương	4.00	5.50	9.50	9.50	
641	V13.00772	Tạ Thị Hồng	Nhung	22/11/87	Nữ	TSTD	5.00	3.50	8.50	8.50	
642	V13.00773	Trần Thị Tuyết	Nhung	23/12/92	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.50	10.50	10.50	
643	V13.00774	Võ Thị Hồng	Nhung	04/02/84	Nữ	Công ty TNHH TMDV truyền thông Thanh Sơn	6.00	3.00	9.00	9.00	
644	V13.00775	Phan Thị Tố	Như	20/07/89	Nữ	Trung tâm kiểm định& công nghệ địa chất	7.00	7.00	14.00	14.00	
645	V13.00777	Mai Bắc	Ninh	16/12/89		Công ty HLC	5.00	5.00	10.00	10.00	
646	V13.00778	Trịnh Văn	Ninh	08/02/87		Bộ Quốc phòng	6.50	6.50	13.00	13.00	
647	V13.00779	Đinh Thị	Oanh	07/11/89	Nữ	Công ty ĐT&CU giúp việc cao cấp Hà Thành	5.50	2.00	7.50	7.50	
648	V13.00780	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/09/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
649	V13.00783	Vũ Thị Kim	Oanh	24/04/79	Nữ	Tổng công ty Công nghệ Tàu Thủy	6.00	5.50	11.50	11.50	
650	V13.00785	Dương Kim	Phong	28/10/88		Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	5.50	5.50	11.00	11.00	
651	V13.00786	Ngô Quốc	Phong	19/09/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	3.50	9.50	9.50	
652	V13.00787	Nguyễn Quốc	Phong	13/12/89		Ngân hàng TMCP Thương Tín	4.50	5.00	9.50	9.50	
653	V13.00788	Trần Ngọc	Phong	30/12/89		Thí sinh tự do	6.00	4.50	10.50	10.50	
654	V13.00789	Hoàng Dương Ngọc	Phúc	12/08/91		Thí sinh tự do	4.00	5.00	9.00	9.00	
655	V13.00790	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/89		Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	2.00	4.00	6.00	6.00	
656	V13.00791	Nguyễn Trinh	Phúc	31/12/83		Báo đời sống và pháp luật	6.00	6.00	12.00	12.00	
657	V13.00792	Đào Duy	Phương	03/07/90		Thí sinh tự do	5.50	4.50	10.00	10.00	
658	V13.00793	Đặng Ngọc Minh	Phương	24/08/89	Nữ	Công ty Đông Nam Logictics	7.00	4.50	11.50	11.50	
659	V13.00794	Đặng Việt	Phương	27/02/72		Công ty TNHH phát triển đầu tư VPI	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
660	V13.00796	Đoàn Thị	Phương	08/04/89	Nữ	Công ty CP DV đầu giá VN	6.50	6.50	13.00	13.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
661	V13.00797	Đỗ Anh	Phương	27/10/89	Nữ	Sở Tư pháp Hà Nội	6.50	5.50	12.00	12.00	
662	V13.00799	Lê Thị Thu	Phương	09/11/88	Nữ	UBND P. Vĩnh Tuy - HBT	6.00	5.50	11.50	11.50	
663	V13.00800	Lê Thị	Phương	20/06/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
664	V13.00801	Lý Thị Minh	Phương	27/07/87		Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình Q. Ba Đình	4.00	5.50	9.50	9.50	
665	V13.00802	Nguyễn Thị Minh	Phương	06/11/88	Nữ	Ngân hàng TMCP Quân đội	6.50	6.00	12.50	12.50	
666	V13.00804	Nguyễn Thị Minh	Phương	23/04/90	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
667	V13.00805	Nguyễn Thị Lan	Phương	12/12/83	Nữ	Công ty TNHH Ernst and young Việt Nam	6.50	5.50	12.00	12.00	
668	V13.00806	Nguyễn Đức	Phương	19/11/77		Trung tâm đo đạc địa chính Hà Nội	5.00	0.50	5.50	5.50	
669	V13.00807	Nguyễn Ngọc	Phương	06/10/88	Nữ	UBND Phường Chương Dương	6.50	7.00	13.50	13.50	
670	V13.00808	Nguyễn Văn	Phương	18/06/90		Thí sinh tự do	4.50	4.50	9.00	9.00	
671	V13.00809	Nguyễn Đức	Phương	28/09/79		Công ty TNHH Điện tử MEICO Việt Nam	7.00	6.00	13.00	13.00	
672	V13.00810	Nguyễn Tiến	Phương	22/08/87		Huyện đoàn Đông Anh	7.00	6.00	13.00	13.00	
673	V13.00812	Nguyễn Thị	Phương	15/05/82	Nữ	UBND P. Đại Kim - HN	4.00	2.00	6.00	6.00	
674	V13.00813	Nguyễn Xuân	Phương	20/03/83		Văn phòng Quốc hội	6.50	6.00	12.50	12.50	
675	V13.00814	Nguyễn Văn	Phương	07/07/85		Bộ Quốc phòng	4.50	5.50	10.00	10.00	
676	V13.00815	Phạm Như	Phương	15/01/89		Cục XNK Bộ Công Thương	6.50	6.50	13.00	13.00	
677	V13.00816	Trần Thị Minh	Phương	12/05/90	Nữ	Đài truyền hình Việt Nam	7.50	5.50	13.00	13.00	
678	V13.00818	Trịnh Anh	Phương	03/12/89	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Dương	5.50	5.50	11.00	11.00	
679	V13.00819	Nguyễn Văn	Phương	05/10/80		Công ty Thành An	6.50	6.00	12.50	12.50	
680	V13.00821	Nguyễn Thị	Phương	26/08/88	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.00	9.00	9.00	
681	V13.00823	Phạm Thị	Phương	14/02/85	Nữ	Công ty CP tư vấn xây dựng DUCA Xuân Thành - HN	6.50	4.00	10.50	10.50	
682	V13.00824	Phạm Thị	Phương	18/07/89	Nữ	Công ty Cổ phần Giao dịch QT 2 buy	7.00	6.00	13.00	13.00	
683	V13.00825	Lê Trọng	Quang	10/11/86		Công ty TNHH DV kế toán YANG MUN	5.00	6.50	11.50	11.50	
684	V13.00826	Lê Tuyền	Quang	30/04/86		Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn A&C	6.50	4.00	10.50	10.50	
685	V13.00827	Nguyễn Xuân	Quang	25/01/91		Trung tâm mỹ thuật Greeno	5.50	2.50	8.00	8.00	
686	V13.00828	Nguyễn Duy	Quang	31/12/80		Công ty TNHH XNK Gỗ Thuận Phát	5.50	4.50	10.00	10.00	
687	V13.00829	Phan Duy	Quang	19/07/91		Công ty TNHH TVĐT&CGCN InvestConsult Group	6.00	5.00	11.00	11.00	
688	V13.00830	Trần Thiều	Quang	30/05/84		Văn phòng đại diện Fet view Việt Nam	6.00	3.50	9.50	9.50	
689	V13.00831	Vũ Đình	Quang	21/10/87		Thí sinh tự do	6.50	6.50	13.00	13.00	
690	V13.00832	Nguyễn Hà	Quảng	06/11/83	Nữ	Đội thanh tra xây dựng quận Thanh Xuân	6.50	5.00	11.50	11.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
691	V13.00833	Đặng Anh Quân	19/11/88		Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.50	4.50	10.00	10.00	
692	V13.00834	Lê Hồng Quân	28/09/90		Công ty kiểm toán	6.00	6.00	12.00	12.00	
693	V13.00835	Nguyễn Quang Quân	03/02/90		Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	
694	V13.00836	Nguyễn Chí Quân	11/07/88		Ngân hàng ANZ Mỹ Đình	5.50	4.00	9.50	9.50	
695	V13.00837	Nguyễn Đình Quân	21/03/90		Đài truyền hình Việt Nam	7.00	6.50	13.50	13.50	
696	V13.00838	Vũ Sỹ Quân	26/06/87		Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
697	V13.00839	Vũ Thái Quân	28/04/86		Đại học Thông tin liên lạc	6.50	6.50	13.00	13.00	
698	V13.00841	Lê Thị Quyên	22/02/74		Công ty bưu chính và CPN Việt	4.50	4.00	8.50	8.50	
699	V13.00842	Lưu Thị Lệ Quyên	03/02/90	Nữ	Công ty TM & DV Hoàng Dương	6.50	3.00	9.50	9.50	
700	V13.00844	Trịnh Lệ Quyên	12/11/86	Nữ	UBND Phường Quang Trung	6.00	6.50	12.50	12.50	
701	V13.00845	Bùi Duy Quyết	30/09/89		Chi cục phát triển nông thôn Hà Nội	5.00	5.50	10.50	10.50	
702	V13.00846	Trần Văn Quyết	01/07/87		Thanh tra Chính phủ	4.50	4.50	9.00	9.00	
703	V13.00847	Trần Mạnh Quyết	23/05/81		Báo Đời sống và pháp luật	6.00	6.00	12.00	12.00	
704	V13.00848	Phùng Khắc Quyền	09/04/88		TSTD	5.50	1.50	7.00	7.00	
705	V13.00849	Hồ Lê Quý	27/06/81		Công ty CP phát triển An Phú Mỹ	5.50	3.00	8.50	8.50	
706	V13.00850	Phạm Thành Quý	29/09/90		Công ty CP giải pháp đào tạo tiên tiến	5.50	6.00	11.50	11.50	
707	V13.00851	Chu Phương Quỳnh	02/01/86	Nữ	TSTD	6.50	5.00	11.50	11.50	
708	V13.00852	Cung Thúy Quỳnh	20/12/78	Nữ	Thí sinh tự do	8.00	4.00	12.00	12.00	
709	V13.00855	Nguyễn Thị Quỳnh	20/03/87	Nữ	Thí sinh tự do	3.50	1.50	5.00	5.00	
710	V13.00856	Nguyễn Văn Quỳnh	22/01/90		TSTD	5.00	3.00	8.00	8.00	
711	V13.00857	Nguyễn Trọng Quỳnh	25/12/90		Công ty CPXD&PT Viễn thông Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
712	V13.00858	Phạm Thị Thúy Quỳnh	20/12/90	Nữ	Công ty công ứng nhân lực quốc tế SONA	6.50	5.00	11.50	11.50	
713	V13.00859	Tô Ngọc Quỳnh	28/04/86	Nữ	Công ty Nhựa Chí Thành	5.50	4.00	9.50	9.50	
714	V13.00861	Đỗ Quang Sáng	23/06/88		UBND xã Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	6.50	5.00	11.50	11.50	
715	V13.00862	Nguyễn Ngọc Sáng	03/09/85		Tổng cục an ninh I - Bộ Công an	5.00	5.00	10.00	10.00	
716	V13.00863	Nguyễn Văn Sáng	25/03/86		Chi cục Thi hành án dân sự Q. Đống Đa	5.00	5.00	10.00	10.00	
717	V13.00864	Vũ Đình Sáng	20/05/88		Thí sinh tự do	5.50	4.00	9.50	9.50	
718	V13.00865	Tạ Thị Mười Sáu	05/09/89	Nữ	UBND P. Láng Thượng	6.50	5.00	11.50	11.50	
719	V13.00868	Nguyễn Ngọc Sinh	20/05/81		Công ty CP đầu tư và kinh doanh vàng quốc tế	5.00	5.00	10.00	10.00	
720	V13.00869	Nguyễn Phú Soái	07/09/84	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
721	V13.00871	Đinh Trung Sơn	27/11/80		Tòa án nhân dân Phù Ninh tỉnh Phú Thọ	5.00	5.50	10.50	10.50	
722	V13.00872	Đỗ Tấn Sơn	02/01/86		Thí sinh tự do	5.00	6.00	11.00	11.00	
723	V13.00874	Lê Trung Sơn	07/07/88		Bộ Tài Chính	6.50	4.50	11.00	11.00	
724	V13.00875	Ngô Văn Sơn	05/05/89		Thí sinh tự do	7.00	5.00	12.00	12.00	
725	V13.00876	Nguyễn Trọng Trườn Sơn	22/08/76		TSTD	5.50	7.00	12.50	12.50	
726	V13.00877	Nguyễn Văn Sơn	02/02/87		Thí sinh tự do	6.50	2.50	9.00	9.00	
727	V13.00878	Nguyễn Anh Sơn	05/04/80		Sở Tư pháp Thái Bình	4.50	3.00	7.50	7.50	
728	V13.00879	Nguyễn Hoàng Sơn	16/08/90		Sumvilla	5.50	6.50	12.00	12.00	
729	V13.00880	Nguyễn Hoàng Sơn	17/03/88		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5.50	5.50	11.00	11.00	
730	V13.00881	Nông Ngọc Sơn	25/03/90		Thí sinh tự do	4.00	3.50	7.50	7.50	
731	V13.00882	Phạm Tiến Sơn	04/04/83		Công ty TNHH QLTS ngân hàng Việt Nam Thịnh	4.50	4.00	8.50	8.50	
732	V13.00883	Phạm Trọng Sơn	13/03/86		Công ty TNHH đầu tư TM& công nghệ ST	4.00	4.00	8.00	8.00	
733	V13.00884	Phạm Minh Sơn	26/10/77		Công ty Tư vấn kiến trúc đô thị Hà Nội	6.00	5.50	11.50	11.50	
734	V13.00885	Phạm Thành Sơn	31/07/89		Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
735	V13.00886	Tiến Hồng Sơn	17/09/65		Tổng công ty Phát điện 1	6.00	5.50	11.50	11.50	
736	V13.00887	Trần Văn Sử	18/06/88		Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
737	V13.00888	Dương Anh Tài	01/07/85		Công ty cổ phần thẩm định giá thế kỷ	5.50	4.00	9.50	9.50	
738	V13.00889	Bùi Văn Tạ	10/06/86		Hội Luật gia Việt Nam	5.50	4.50	10.00	10.00	
739	V13.00890	Chu Thanh Tâm	07/08/90	Nữ	TSTD	6.00	4.00	10.00	10.00	
740	V13.00892	Đặng Thị Tâm	15/03/90	Nữ	Công ty CPTM& đầu tư Ngọc Diệp	7.00	3.00	10.00	10.00	
741	V13.00893	Đỗ Minh Tâm	04/11/87		UBND Huyện Lập thạch, Vĩnh Phúc	5.00	5.00	10.00	10.00	
742	V13.00895	Lê Thị Thanh Tâm	09/05/89	Nữ	Công ty TNHH tư vấn doanh nghiệp legalbiz	4.00	2.00	6.00	6.00	
743	V13.00896	Lê Văn Tâm	10/10/86		Công ty TNHH Tư vấn đầu tư nhân tài	5.50	5.50	11.00	11.00	
744	V13.00897	Lương Đức Tâm	06/04/91		Ngân hàng TMCP á Châu	4.00	3.50	7.50	7.50	
745	V13.00898	Nguyễn Thanh Tâm	03/01/90		Văn phòng Tổng cục Hải quan	5.50	4.50	10.00	10.00	
746	V13.00899	Nguyễn Thành Tâm	06/02/89		Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cầu đường HN	6.50	5.00	11.50	11.50	
747	V13.00900	Trịnh Minh Tâm	11/09/88	Nữ	UBND P. Hàng Bông - HN	4.00	4.00	8.00	8.00	
748	V13.00901	Vũ Thị Thanh Tâm	10/12/90	Nữ	Tạp chí điện tử Hà Nội	6.50	6.00	12.50	12.50	
749	V13.00902	Vũ Thị Tâm	09/10/86	Nữ	Viện kiểm sát tối cao	6.00	6.00	12.00	12.00	
750	V13.00903	Bùi Thị Minh Tàn	01/05/91	Nữ	Văn phòng luật sư ATK	5.50	4.00	9.50	9.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
751	V13.00904	Nguyễn Bá	Tân	13/10/87		Thí sinh tự do	4.50	1.50	6.00	6.00	
752	V13.00905	Nguyễn Quang	Tân	14/03/89		Công ty luật hợp danh Phương Đông	5.50	3.00	8.50	8.50	
753	V13.00906	PhanThị Minh	Tân	10/12/89	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
754	V13.00908	Lê Văn	Tân	10/03/85		Ngân hàng quân đội	5.50	5.50	11.00	11.00	
755	V13.00909	Bùi Thị	Thanh	02/12/87	Nữ	Chi cục thi hành án dân sự Hưng Yên	5.00	6.00	11.00	11.00	
756	V13.00910	Đoàn Cao	Thanh	14/09/87		Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel	6.50	6.00	12.50	12.50	
757	V13.00911	Đoàn Lê	Thanh	16/09/85	Nữ	Ngân hàng TMCP phát triển TP.HCM	6.50	3.50	10.00	10.00	
758	V13.00913	Đoàn Triệu	Thanh	25/11/88		Công ty cổ phần truyền thông Việt Phú	5.50	4.00	9.50	9.50	
759	V13.00914	Đỗ Xuân	Thanh	01/02/89		Bộ Quốc phòng	5.00	5.00	10.00	10.00	
760	V13.00915	Hoàng Thị	Thanh	31/12/90	Nữ	UBND Phường Đình, Đan Phượng, Hà Nội	5.50	6.50	12.00	12.00	
761	V13.00916	Ngọc Chí	Thanh	20/03/88		TSTD	5.50	5.00	10.50	10.50	
762	V13.00917	Nguyễn Thị Phương	Thanh	22/11/88	Nữ	Công ty Keangnam	5.00	5.00	10.00	10.00	
763	V13.00919	Nguyễn Bá	Thanh	10/03/79		Thí sinh tự do	8.00	6.00	14.00	14.00	
764	V13.00921	Nguyễn Văn	Thanh	18/12/83		Thí sinh tự do	4.00	2.00	6.00	6.00	
765	V13.00922	Nguyễn Đình	Thanh	26/07/83		Bộ Quốc phòng	7.00	5.50	12.50	12.50	
766	V13.00923	Trần Thị	Thanh	12/06/88	Nữ	Đại học Kiểm sát Hà Nội	6.50	6.50	13.00	13.00	
767	V13.00925	Lê Văn	Thái	29/08/81	Nữ	Bộ Quốc Phòng	6.50	7.50	14.00	14.00	
768	V13.00927	Phạm Hồ	Thái	11/08/81		Công ty CP Tư vấn Cát Ngạn	5.50	5.00	10.50	10.50	
769	V13.00928	Đặng Minh	Thành	17/10/89		Ngân hàng techcombank	5.50	4.50	10.00	10.00	
770	V13.00929	Nguyễn Chí	Thành	05/08/83		Bộ xây dựng	6.00	5.00	11.00	11.00	
771	V13.00930	Nguyễn Văn	Thành	25/08/88		Trường ĐH Luật Hà Nội	6.00	5.00	11.00	11.00	
772	V13.00931	Nguyễn Đức	Thành	27/12/80		Thí sinh tự do	6.50	7.00	13.50	13.50	
773	V13.00932	Vũ Duy	Thành	28/03/90		Công ty CP Actovate	3.00	2.00	5.00	5.00	
774	V13.00933	Nguyễn Tiến	Thành	31/05/83		Công ty cổ phần than sông hồng	6.50	6.50	13.00	13.00	
775	V13.00934	Nguyễn Phương	Thành	30/07/88		Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	7.00	7.00	14.00	14.00	
776	V13.00935	Nhâm Ngọc	Thành	27/12/86		Bộ Quốc phòng	6.50	4.00	10.50	10.50	
777	V13.00936	Thân Đức	Thành	12/06/88		Tổng công ty quản lý bay Việt Nam	5.50	2.00	7.50	7.50	
778	V13.00937	Trần Quang	Thành	12/10/88		BQL dự án đầu tư phát triển nhà và đô thị số 2	7.00	6.50	13.50	13.50	
779	V13.00938	Trần Tiến	Thành	27/08/88		Công ty Vaath tư thiết bị toàn bộ & DVKT	5.00	4.00	9.00	9.00	
780	V13.00939	Đỗ Thị Hương	Thảo	23/09/90	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thanh Sơn, Phú Thọ	5.50	5.50	11.00	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
781	V13.00940	Nguyễn Vũ Phương	Thảo	14/08/79	Nữ	Công ty cổ phần CK ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	1.50	.	1.50	1.50	
782	V13.00941	Nguyễn Xuân	Thảo	17/12/82		Công ty cổ phần INFOCO Việt Nam	3.00	5.00	8.00	8.00	
783	V13.00942	Phạm Phương	Thảo	19/10/86	Nữ	Cục thuế thành phố Hà Nội	5.50	5.50	11.00	11.00	
784	V13.00943	Phường Thanh	Thảo	19/05/89	Nữ	công ty BHNT Prudential Việt Nam	6.50	3.50	10.00	10.00	
785	V13.00944	Trần Thị Hà	Thảo	18/05/91	Nữ	TSTD	6.00	6.00	12.00	12.00	
786	V13.00945	Nguyễn Ngọc	Thạch	09/01/89		Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	3.50	3.00	6.50	6.50	
787	V13.00946	Nguyễn Cơ	Thạch	18/01/91		Bộ Quốc phòng	7.00	7.00	14.00	14.00	
788	V13.00947	Lê Công	Thăng	07/08/82		UBND P. Đồng Xuân	3.50	5.00	8.50	8.50	
789	V13.00948	Nguyễn La	Thăng	20/10/82		Thí sinh tự do	5.50	4.00	9.50	9.50	
790	V13.00949	Bùi Thị Hồng	Thắm	15/12/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	6.00	12.50	12.50	
791	V13.00950	Nguyễn Thị	Thắm	20/11/89	Nữ	Công ty TNHH dịch vụ hệ thống thông tin FPT	6.00	6.00	12.00	12.00	
792	V13.00951	Đỗ Đình	Thắng	01/10/89		Công ty TNHH DV Kế toán YANG MUN	5.50	6.00	11.50	11.50	
793	V13.00952	Lê Minh	Thắng	14/07/87		Phòng tài nguyên & môi trường Huyện Hoài Đức	7.00	7.00	14.00	14.00	
794	V13.00953	Lê Văn	Thắng	24/07/77		Công ty cổ phần xây dựng Fadin Việt nam	6.00	6.00	12.00	12.00	
795	V13.00957	Nguyễn Đình	Thắng	28/08/90		Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
796	V13.00959	Nguyễn Đức	Thắng	28/12/89		TSTD	5.00	2.00	7.00	7.00	
797	V13.00960	Phạm Minh	Thắng	11/11/87		Công ty viễn thông liên tỉnh	6.50	6.00	12.50	12.50	
798	V13.00961	Tạ Quyết	Thắng	12/08/88		Văn phòng công chứng Hà Anh	5.00	4.50	9.50	9.50	
799	V13.00963	Trần Minh	Thắng	17/12/88		Công ty cổ phần XNK & đầu tư xây dựng Nguyên	6.50	3.50	10.00	10.00	
800	V13.00964	Trần Quyết	Thắng	23/08/89		Bộ Quốc phòng	6.00	4.50	10.50	10.50	
801	V13.00965	Trần Quyết	Thắng	25/11/89		CTCP XNK Thủy sản Hà Nội	6.50	6.00	12.50	12.50	
802	V13.00967	Vũ Đức	Thắng	01/10/86		Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
803	V13.00968	Vũ Đình	Thắng	11/08/89		Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
804	V13.00969	Phí Thị Hồng	Chiên	28/01/80	Nữ	TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
805	V13.00970	Hà Văn	Thiệt	30/11/90		Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
806	V13.00971	Nguyễn Huy	Thiện	20/03/84		Báo Pháp Luật Việt Nam	4.50	4.00	8.50	8.50	
807	V13.00972	Nguyễn Văn	Thiệu	13/08/83		Công ty CP Sinh Lộc	6.00	6.00	12.00	12.00	
808	V13.00973	Đỗ Ngọc	Thịnh	26/03/86		TSTD	6.50	5.00	11.50	11.50	
809	V13.00974	Đỗ Đức	Thịnh	29/05/91		TSTD	6.50	6.00	12.50	12.50	
810	V13.00975	Lê Văn	Thịnh	24/10/89		Bộ Quốc phòng	5.50	5.00	10.50	10.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
811	V13.00976	Nguyễn Tiến Thịnh	02/10/86		NXB Giáo dục	6.00	6.50	12.50	12.50	
812	V13.00977	Nguyễn Đăng Thịnh	09/05/79		Đại học Kiến trúc Hà Nội	6.50	6.00	12.50	12.50	
813	V13.00978	Đỗ Thị Kim Thoa	24/07/79	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	5.00	10.00	10.00	
814	V13.00979	Lê Thị Thoa	25/05/87	Nữ	Viện Đại học Mở HN	4.00	1.00	5.00	5.00	
815	V13.00980	Phạm Thị Minh Thoa	30/05/78	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
816	V13.00982	Phạm Văn Thọ	17/04/87		TSTD	3.00	2.00	5.00	5.00	
817	V13.00983	Trần Thị Thơm	10/03/84	Nữ	Trung tâm TDTT UBND quận Cầu giấy	7.00	6.00	13.00	13.00	
818	V13.00984	Nguyễn Trung Thuân	28/12/90		Công ty CP Phát triển CNXD Hà Nội	6.00	5.00	11.00	11.00	
819	V13.00985	Đỗ Thị Mai Thu	08/01/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
820	V13.00986	Lê Thị Thu	01/07/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	5.00	12.00	12.00	
821	V13.00988	Nguyễn Minh Thu	15/09/90	Nữ	Công ty CP Chí Linh	6.50	6.00	12.50	12.50	
822	V13.00989	Nguyễn Minh Thu	29/03/91	Nữ	Phòng Tài nguyên và môi trường quận Hoàn Kiếm	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
823	V13.00990	Phạm Minh Thu	05/11/85	Nữ	UBND phường Xuân LA	6.50	5.00	11.50	11.50	
824	V13.00991	Trần Thị Thu	19/10/81	Nữ	UBND phường Láng Thượng	5.00	5.00	10.00	10.00	
825	V13.00992	Dương Văn Thuyết	20/04/85		TAND Huyện Văn Giang, Hưng yên	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
826	V13.00993	Đặng Thị Thuý	24/08/83	Nữ	UBND xã Văn Cón, Hoài Đức	5.00	5.00	10.00	10.00	
827	V13.00994	Lại Thị Thuý	01/11/81	Nữ	Công ty TNHH tư vấn Tây Hồ	4.50	6.00	10.50	10.50	
828	V13.00996	Phạm Lệ Thuý	13/08/88	Nữ	TAND Huyện Hoài Đức, Hà Nội	6.50	6.00	12.50	12.50	
829	V13.00997	Vũ Thị Phương Thuý	08/09/89	Nữ	Văn phòng luật sư Âu Bích và Cộng sự	7.00	5.00	12.00	12.00	
830	V13.00998	Nguyễn Thị Thuý	03/11/81	Nữ	UBND Phường Quỳnh Lôi	5.00	1.00	6.00	6.00	
831	V13.01001	Nguyễn Thị Thu	24/01/80	Nữ	Văn Phòng thành uỷ Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
832	V13.01002	Nguyễn Tuấn Thủy	18/11/84	Nữ	CTCP TM đầu tư và tư vấn xây dựng AET	6.00	5.00	11.00	11.00	
833	V13.01003	Đào Thị Thúy	11/09/88	Nữ	TT phát triển quỹ đất Thanh Oai	6.00	2.50	8.50	8.50	
834	V13.01004	Nguyễn Thị Thúy	06/02/83	Nữ	Trường THPT Lý Thái Tổ - Bắc Ninh	7.00	3.00	10.00	10.00	
835	V13.01005	Nguyễn Thị Thúy	23/08/89	Nữ	Viện nghiên cứu lập pháp	6.50	3.00	9.50	9.50	
836	V13.01006	Phạm Minh Thúy	06/10/90	Nữ	Đại học Luật Hà Nội	6.50	7.00	13.50	13.50	
837	V13.01008	Đỗ Minh Thùy	04/07/90	Nữ	UBND Phường Láng Thượng	4.00	5.00	9.00	9.00	
838	V13.01009	Lưu Thị Biên Thùy	10/11/86	Nữ	Trung tâm y tế huyện Mê Linh	5.50	2.00	7.50	7.50	
839	V13.01011	Nguyễn Đình Thùy	09/05/87		Công ty TNHH Nakano VN	6.00	4.00	10.00	10.00	
840	V13.01012	Roãn Văn Thùy	02/09/90		Ngân hàng TNHH ANZ - VN	5.50	5.50	11.00	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
841	V13.01013	Bùi Thị Thu	Thủy	15/12/89	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
842	V13.01015	Nguyễn Thị Thu	Thủy	28/10/82		Bộ Công thương	7.00	3.00	10.00	10.00	
843	V13.01016	Nguyễn Thị	Thủy	20/10/84	Nữ	Công ty CP kiến trúc KGX	2.00	4.00	6.00	6.00	
844	V13.01017	Vũ Thị Thu	Thủy	01/07/87	Nữ	Cục điều tra VKSTC	6.50	6.00	12.50	12.50	
845	V13.01018	Vũ Thị Bích	Thủy	08/07/86	Nữ	TSTD	6.50	5.00	11.50	11.50	
846	V13.01020	Hoàng Thị	Thư	13/04/87	Nữ	Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG	5.00	5.50	10.50	10.50	
847	V13.01021	Lê Thị Anh	Thư	15/05/91	Nữ	TSTD	5.50	5.00	10.50	10.50	
848	V13.01022	Lê Thị	Thương	08/08/89	Nữ	Công ty CP ĐT& CU giúp việc cao cấp Hà Thành	6.00	5.00	11.00	11.00	
849	V13.01023	Nguyễn Thị Anh	Thương	26/05/90	Nữ	TSTD	5.00	4.00	9.00	9.00	
850	V13.01024	Phạm Thị Hoài	Thương	18/10/89	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Dương	6.50	4.00	10.50	10.50	
851	V13.01025	Phạm Minh	Thương	10/05/90	Nữ	Công ty TNHH Trường Sinh	7.00	6.50	13.50	13.50	
852	V13.01026	Tống Thị	Thương	17/03/90	Nữ	CTCP phòng cháy chữa cháy và đầu tư xây dựng SĐ	5.50	3.00	8.50	8.50	
853	V13.01027	Nguyễn Quốc	Thượng	24/06/85		Công ty cổ phần HVT Hà Nội	5.50	6.00	11.50	11.50	
854	V13.01029	Nguyễn Phú	Thứ	03/09/91		Công ty TNHH Thiên An Hưng	5.50	2.50	8.00	8.00	
855	V13.01030	Cao Xuân	Tiến	18/01/89		UBND Tân Triều, Thanh Trì	4.50	5.00	9.50	9.50	
856	V13.01031	Cù Xuân	Tiến	02/04/88		Công ty cổ phần xây dựng công trình văn hoá	6.50	6.00	12.50	12.50	
857	V13.01032	Nguyễn Hồng	Tiến	02/05/81		Thí sinh tự do	3.00	2.50	5.50	5.50	
858	V13.01033	Nguyễn Đức	Tiến	04/10/87		Huyện Đoàn Phúc Thọ	6.50	6.50	13.00	13.00	
859	V13.01034	Nguyễn Văn	Tiến	15/04/88		Báo tuổi trẻ thủ đô	6.00	4.00	10.00	10.00	
860	V13.01035	Nguyễn Văn	Tiến	27/12/77		Cục kiểm lâm	6.50	5.50	12.00	12.00	
861	V13.01038	Trần Minh	Tiến	23/12/88		BQL đường sắt đô thị Hà Nội	6.50	6.00	12.50	12.50	
862	V13.01039	Trịnh Minh	Tiến	24/12/89		Bộ Công thương	7.00	4.00	11.00	11.00	
863	V13.01040	Tướng Duy	Tiến	27/10/88		Bảo hiểm tiền gửi VN	4.50	2.50	7.00	7.00	
864	V13.01041	Bùi Đức	Tiếp	11/10/77		Bệnh viện đa khoa Huyện Mê Linh	4.50	3.00	7.50	7.50	
865	V13.01042	Lục Trần	Tiếp	20/05/90		Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	4.50	4.50	9.00	9.00	
866	V13.01043	Nguyễn Đức	Tiếp	28/09/90		Ngân hàng TMCP Đông Nam á	5.50	4.00	9.50	9.50	
867	V13.01044	Vũ Duy	Tiếp	20/04/89		Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
868	V13.01045	Dương Văn	Tính	26/06/89		TSTD	5.50	5.00	10.50	10.50	
869	V13.01047	Dương Văn	Toán	14/12/91		Thí sinh tự do	4.00	3.00	7.00	7.00	
870	V13.01048	Trần Văn	Toán	12/02/85		Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
871	V13.01050	Nguyễn Anh Toàn	02/08/84		Công ty cổ phần 26	6.00	4.00	10.00	10.00	
872	V13.01051	Nguyễn Văn Toàn	17/07/90		Ngân hàng Quốc tế	6.00	4.00	10.00	10.00	
873	V13.01052	Nguyễn Thế Toàn	20/12/75		Công ty CP Đầu tư thương mại và công nghệ Bosson	5.00	5.50	10.50	10.50	
874	V13.01053	Phạm Huy Toàn	28/02/82		Bộ Tư pháp	6.50	4.00	10.50	10.50	
875	V13.01055	Đào Thu Trang	09/12/83	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
876	V13.01056	Đào Thị Trang	15/08/87	Nữ	Văn phòng Luật sư Hoàng Minh	7.50	6.50	14.00	14.00	
877	V13.01057	Đỗ Thị Vân Trang	23/04/85	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
878	V13.01058	Đỗ Huyền Trang	09/10/88	Nữ	UBND P. Liễu Giai	6.00	5.00	11.00	11.00	
879	V13.01059	Đỗ Thị Trang	21/06/85	Nữ	Công ty TNHH Tata Việt Nam	5.00	3.00	8.00	8.00	
880	V13.01060	Hoàng Thu Trang	19/07/89	Nữ	Công ty cổ phần CNTT IPMac	5.00	5.00	10.00	10.00	
881	V13.01061	Lại Mai Trang	08/02/85	Nữ	Hội Luật gia Việt Nam	5.50	5.00	10.50	10.50	
882	V13.01062	Lê Huyền Trang	25/10/88	Nữ	Cục quản lý cạnh tranh, Bộ công thương	6.00	4.50	10.50	10.50	
883	V13.01063	Lê Thuỳ Trang	26/11/89	Nữ	UBND Quận Hai Bà Trưng	6.00	6.50	12.50	12.50	
884	V13.01064	Lưu Thị Thu Trang	17/10/88	Nữ	Bộ Thông tin truyền thông	6.00	4.00	10.00	10.00	
885	V13.01065	Lý Thị Như Trang	29/01/88	Nữ	Cục thi hành án dân sự Cao Bằng	5.25	6.00	11.25	11.50	
886	V13.01066	Nguyễn Hồng Thu Trang	29/08/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	2.50	8.50	8.50	
887	V13.01067	Nguyễn Thị Đoan Trang	17/02/77	Nữ	Báo pháp luật Việt Nam	6.50	5.50	12.00	12.00	
888	V13.01068	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	13/03/87	Nữ	Thí sinh tự do	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
889	V13.01069	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/10/89	Nữ	CT TNHH đầu tư TM & DV Duy Tân	6.00	6.00	12.00	12.00	
890	V13.01070	Nguyễn Thị Thu Trang	27/09/90	Nữ	Đan Phượng, Hà Nội	7.00	4.50	11.50	11.50	
891	V13.01071	Nguyễn Thị Trang	06/05/90	Nữ	thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
892	V13.01073	Nguyễn Thu Trang	08/11/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	6.50	13.00	13.00	
893	V13.01074	Nguyễn Thu Trang	02/09/87	Nữ	Trường PT Dân tộc nội trú	4.00	2.50	6.50	6.50	
894	V13.01075	Nguyễn Thu Trang	23/11/82	Nữ	Hội thiết bị y tế Hà Nội	5.50	3.00	8.50	8.50	
895	V13.01076	Phan Thị Quỳnh Trang	04/04/79	Nữ	TSTD	6.00	6.00	12.00	12.00	
896	V13.01077	Phạm Thanh Trang	10/11/81		Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Việt Nhật	4.50	6.50	11.00	11.00	
897	V13.01078	Phạm Huyền Trang	28/03/87	Nữ	Công ty TNHH dịch vụ thuê toàn cầu	6.00	5.50	11.50	11.50	
898	V13.01079	Phùng Thị Trang	22/11/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	6.50	12.00	12.00	
899	V13.01080	Trần Thu Trang	15/10/87	Nữ	Ủy ban thường vụ QH	5.50	4.00	9.50	9.50	
900	V13.01081	Triệu Thu Trang	21/02/89	Nữ	Vụ pháp chế Bộ công an	5.00	6.00	11.00	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
901	V13.01082	Trương Hoài	Trang	19/09/90	Nữ	Viện Kiểm sát nhân dân Tiên Du - Bắc Ninh	4.50	3.50	8.00	8.00	
902	V13.01083	Võ Đặng Thùy	Trang	08/01/92	Nữ	TSTD	4.50	6.50	11.00	11.00	
903	V13.01084	Vũ Hà Mai	Trang	26/02/90	Nữ	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	5.00	6.00	11.00	11.00	
904	V13.01086	Vũ Thị Huyền	Trang	21/10/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.50	9.50	9.50	
905	V13.01087	Lê Thị	Trà	29/12/85	Nữ	Công ty TNHH TM XNK tổng hợp Phú Cường	5.50	0.00	5.50	5.50	
906	V13.01088	Nguyễn Ngọc	Trà	01/07/88		Ngân hàng TMCP Đông Nam á	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
907	V13.01091	Trần Văn	Triển	09/12/74		Cục kiểm lâm	6.50	5.00	11.50	11.50	
908	V13.01092	Mai Thị Việt	Trinh	20/09/91	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	3.00	8.00	8.00	
909	V13.01094	Nguyễn Văn	Triều	12/01/89		Thí sinh tự do	5.50	3.50	9.00	9.00	
910	V13.01095	Đào Thị	Trọng	15/03/89	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.50	11.50	11.50	
911	V13.01096	Ngô Viết	Trọng	02/07/89		Thí sinh tự do	4.50	4.00	8.50	8.50	
912	V13.01097	Dương Thành	Trung	09/09/82		Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình	5.00	5.00	10.00	10.00	
913	V13.01098	Hứa Thành	Trung	26/10/87		Thí sinh tự do	2.00	5.00	7.00	7.00	
914	V13.01100	Lê Ngọc	Trung	16/10/89		Công ty cổ phần TM&CN á Châu	5.50	5.00	10.50	10.50	
915	V13.01101	Nguyễn Đình	Trung	06/08/84		Trung tâm CNTT Agribank	6.00	3.50	9.50	9.50	
916	V13.01102	Nguyễn Quang	Trung	16/12/86		VP Công chứng Thanh Trì - HN	4.00	3.50	7.50	7.50	
917	V13.01104	Phạm Quang	Trung	20/10/83		Ban QLDA phát triển điện lực	3.00	5.00	8.00	8.00	
918	V13.01105	Phạm Văn	Trung	24/09/89		Ban bồi thường GPMB Q. Nam Từ Liêm	3.00	2.00	5.00	5.00	
919	V13.01106	Trần Toàn	Trung	08/10/88		Học viện Hành chính	6.00	5.50	11.50	11.50	
920	V13.01107	Trịnh Thành	Trung	20/08/83		Công ty CP Thương mại & ĐTBMT Việt Nam	4.50	5.00	9.50	9.50	
921	V13.01108	Vũ Thành	Trung	28/01/77		Công ty TNHH cung cấp dịch vụ trực tuyến NetValue	5.50	4.00	9.50	9.50	
922	V13.01109	Vương Bảo	Trung	05/10/89		Toà án nhân dân tối cao	6.50	6.50	13.00	13.00	
923	V13.01110	Hoàng Thị Huyền	Trúc	06/01/86	Nữ	Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	6.50	7.00	13.50	13.50	
924	V13.01111	Nguyễn Văn	Trúc	07/11/91		Viettel IDC	6.00	6.00	12.00	12.00	
925	V13.01112	Hoàng Mạnh	Trường	08/03/91		Phòng Lao động thương binh xã hội Lạng Sơn	5.00	3.00	8.00	8.00	
926	V13.01113	Lê Danh	Trường	12/01/80		Phòng Tài nguyên và môi trường	5.00	6.00	11.00	11.00	
927	V13.01114	Đỗ Quang	Tuân	30/11/81		Phòng tài nguyên môi trường Quận Hai Bà Trưng	4.00	4.50	8.50	8.50	
928	V13.01115	Hà Anh	Tuân	30/09/89		Tạp chí kiểm sát	7.00	6.50	13.50	13.50	
929	V13.01117	Bế Kim	Tuấn	12/08/87		Thí sinh tự do	6.00	6.00	12.00	12.00	
930	V13.01118	Bùi Anh	Tuấn	07/03/88		Trường THCS Xuân Giang, Sóc Sơn	5.50	5.00	10.50	10.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
931	V13.01120	Bùi Anh Tuấn	22/11/80		Ủy ban kiểm tra trung ương Đảng	6.00	6.00	12.00	12.00	
932	V13.01121	Cao Minh Tuấn	10/05/73		Trung tâm giới thiệu việc làm Q. Hà Đông	5.00	6.00	11.00	11.00	
933	V13.01122	Dương Minh Tuấn	21/11/89		UBND phường Xuân Đỉnh	4.50	5.50	10.00	10.00	
934	V13.01123	Đào Thanh Tuấn	20/10/90		Công ty CP Giải pháp CN&DV tự động hóa	7.50	6.00	13.50	13.50	
935	V13.01125	Đỗ Tiến Tuấn	16/03/89		Đảng ủy xã Tân Quang - Văn Lâm - HY	5.00	5.00	10.00	10.00	
936	V13.01127	Lê Văn Tuấn	10/01/80		Công ty TNHH môi trường Bách khoa	5.00	5.00	10.00	10.00	
937	V13.01128	Ngô Thanh Tuấn	05/01/90		Thí sinh tự do	6.00	5.00	11.00	11.00	
938	V13.01129	Ngô Lê Tuấn	08/12/80		công ty TNHH 1 thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI	4.50	5.00	9.50	9.50	
939	V13.01130	Nguyễn Văn Tuấn	05/01/90		Thí sinh tự do	7.00	3.00	10.00	10.00	
940	V13.01131	Nguyễn Ngọc Tuấn	09/03/85		Công ty E-Clever	6.00	5.00	11.00	11.00	
941	V13.01132	Nguyễn Anh Tuấn	16/08/90		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	
942	V13.01133	Nguyễn Anh Tuấn	21/11/83		Ngân hàng MHB	5.50	3.50	9.00	9.00	
943	V13.01134	Nguyễn Minh Tuấn	24/11/89		Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel	6.00	6.00	12.00	12.00	
944	V13.01135	Nguyễn Anh Tuấn	31/07/82		Ngân hàng VPBank	5.50	4.00	9.50	9.50	
945	V13.01136	Phạm Minh Tuấn	05/08/89		thí sinh tự do	7.00	6.50	13.50	13.50	
946	V13.01137	Trần Anh Tuấn	08/09/87		Cục tần số vô tuyến điện	7.00	6.00	13.00	13.00	
947	V13.01138	Trần Quốc Tuấn	19/04/87		Ngân hàng VPBank	2.00	2.00	4.00	4.00	
948	V13.01139	Trần Thanh Tuấn	23/09/85		UBND P. Khương Thượng, Đống Đa, HN	6.50	6.50	13.00	13.00	
949	V13.01140	Trương Anh Tuấn	28/10/87		Thí sinh tự do	4.50	3.00	7.50	7.50	
950	V13.01141	Vũ Anh Tuấn	13/08/81		Quận ủy Thanh Xuân Hà Nội	5.00	6.50	11.50	11.50	
951	V13.01142	Vương Đức Tuấn	19/01/88		UBND P. Thanh Trì	5.50	6.50	12.00	12.00	
952	V13.01143	Nguyễn Bá Tuệ	12/12/88		Thí sinh tự do	6.50	5.00	11.50	11.50	
953	V13.01146	Nguyễn Văn Tuyển	21/08/88		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	7.00	6.00	13.00	13.00	
954	V13.01147	Nguyễn Thị Tuyết	26/10/86	Nữ	Công ty cổ phần CEKS	6.50	4.00	10.50	10.50	
955	V13.01148	Vũ ánh Tuyết	21/03/89	Nữ	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố HN	5.50	4.50	10.00	10.00	
956	V13.01149	Nguyễn Hữu Tuyển	01/09/88		Khách sạn Nikko Hotel	6.00	6.00	12.00	12.00	
957	V13.01150	Nguyễn Mạnh Tuyển	13/05/86		Thí sinh tự do	7.50	6.00	13.50	13.50	
958	V13.01151	Nguyễn Viết Tuyển	23/04/89		Công ty viễn thông miền bắc TIN	4.50	6.00	10.50	10.50	
959	V13.01152	Đàm Thị Tú	14/04/91	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
960	V13.01153	Đào Anh Tú	27/12/08		Ban QLDA đầu tư XD các công trình hạ tầng XH	5.00	6.00	11.00	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
961	V13.01155	Hà Minh Tú	15/12/91		Công ty TNHH Thương mại và phát triển Thu Ngọc	5.00	6.00	11.00	11.00	
962	V13.01156	Lê Anh Tú	26/09/88		Công ty Cơ khí kỹ thuật Hưng khí	5.50	4.00	9.50	9.50	
963	V13.01157	Nguyễn Minh Tú	03/08/87		Đoàn TNCS HCM P. Cổ Nhuế - TL	6.00	5.50	11.50	11.50	
964	V13.01158	Phạm Thị Thanh Tú	18/03/80		Công ty TNHH Công nghệ cao CB	5.50	3.00	8.50	8.50	
965	V13.01159	Phùng Ngọc Tú	25/01/86		Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	
966	V13.01161	Đào Nguyên Tùng	07/12/80		Công ty TNHH dịch vụ hệ thống thông tin FPT	5.00	7.00	12.00	12.00	
967	V13.01162	Đào Duy Tùng	30/01/88		Công ty TNHH 1 thành viên sở hữu trí tuệ VCCI	7.50	6.00	13.50	13.50	
968	V13.01163	Đỗ Văn Tùng	10/02/87		Bộ Quốc phòng	6.50	7.00	13.50	13.50	
969	V13.01164	Hoàng Trần Tùng	08/10/86		Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ Vũ Gia	5.00	4.00	9.00	9.00	
970	V13.01165	Lê Thanh Tùng	07/05/91		Thí sinh tự do	4.00	2.50	6.50	6.50	
971	V13.01166	Lê Như Tùng	22/02/81		Công ty CP tập đoàn Việt Trung	5.75	3.00	8.75	9.00	
972	V13.01167	Lê Xuân Tùng	24/06/84		TSTD	5.00	4.50	9.50	9.50	
973	V13.01168	Nguyễn Hoàng Tùng	03/01/92		Ban QL Dự án Quận Hai Bà Trưng	4.50	2.00	6.50	6.50	
974	V13.01169	Nguyễn Khắc Tùng	04/07/89		Thí sinh tự do	5.50	2.50	8.00	8.00	
975	V13.01170	Nguyễn Thanh Tùng	08/04/90		Công ty TNHH Sản xuất thương mại Toàn Năng	5.00	6.00	11.00	11.00	
976	V13.01171	Nguyễn Hào Tùng	17/09/86		Ngân hàng NN&PTNT Đồng Đa	6.00	5.00	11.00	11.00	
977	V13.01173	Nguyễn Xuân Tùng	28/07/89		TSTD	4.00	3.50	7.50	7.50	
978	V13.01174	Nguyễn Chí Tùng	29/12/88		Công ty TNHH Ernst&Young VN	4.50	4.00	8.50	8.50	
979	V13.01175	Phạm Thanh Tùng	13/10/84		Công ty TNHH 1 thành viên TMF Việt Nam	6.00	5.00	11.00	11.00	
980	V13.01177	Trần Sơn Tùng	01/11/88		Trung tâm quan trắc môi trường	5.50	6.00	11.50	11.50	
981	V13.01178	Trịnh Thanh Tùng	20/08/90		Thí sinh tự do	6.00	4.00	10.00	10.00	
982	V13.01179	Vũ Thanh Tùng	03/12/89		Bộ Tư pháp	6.50	6.00	12.50	12.50	
983	V13.01180	Nguyễn Duy Tụ	14/03/83		Trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam	7.50	5.00	12.50	12.50	
984	V13.01181	Nguyễn Đình Tứ	13/09/83		Công ty TNHH Công nghệ Nhật Bảo	4.50	2.00	6.50	6.50	
985	V13.01182	Đỗ Thị Phương Uyên	25/04/83	Nữ	Ngân hàng TMCP Nam Việt	6.50	6.50	13.00	13.00	
986	V13.01183	Nguyễn Thị Tố Uyên	05/10/88	Nữ	Công ty CP Sinh Sinh Đường	4.50	4.00	8.50	8.50	
987	V13.01184	Nguyễn Thị Uyên	18/05/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	6.50	12.50	12.50	
988	V13.01185	Đồng Thành Uỷ	01/07/88		Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam	6.00	3.00	9.00	9.00	
989	V13.01187	Đinh Thị Vân	25/09/88	Nữ	Công ty TNHH Golden Plus	6.00	5.50	11.50	11.50	
990	V13.01188	Hà Thị Hải Vân	18/10/88	Nữ	Văn phòng đại diện Novartis Pharma Servius	6.00	5.50	11.50	11.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
991	V13.01189	Hoàng Thị Vân	21/08/88	Nữ	TSTD	6.00	2.00	8.00	8.00	
992	V13.01190	Hoàng Thúy Vân	28/08/91	Nữ	Phòng HTQT - ĐH Luật HN	7.50	5.00	12.50	12.50	
993	V13.01191	Nguyễn Thị Hồng Vân	23/11/87	Nữ	Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	6.50	5.00	11.50	11.50	
994	V13.01192	Nguyễn Thị Vân	13/01/90	Nữ	Tổng cục TDTT	6.00	4.00	10.00	10.00	
995	V13.01196	Trần Thị Cẩm Vân	22/07/86	Nữ	Thí sinh tự do	5.00	4.00	9.00	9.00	
996	V13.01197	Trần Thanh Vân	21/12/86	Nữ	Công ty CP Giáo dục và đào tạo Edutop	6.50	5.00	11.50	11.50	
997	V13.01198	Vũ Lê Văn	18/05/89		Văn phòng Chính phủ	4.50	3.50	8.00	8.00	
998	V13.01199	Vũ Quỳnh Văn	21/07/80		Thí sinh tự do	6.50	4.00	10.50	10.50	
999	V13.01200	Bùi Đức Việt	09/06/89		TSTD	4.00	4.00	8.00	8.00	
1000	V13.01201	Nguyễn Văn Việt	10/01/87		Bộ Quốc phòng	6.00	7.00	13.00	13.00	
1001	V13.01202	Nguyễn Bá Việt	17/08/79		Bộ Văn hoá truyền thông và du lịch	0.00	.	0.00	0.00	VPQC
1002	V13.01204	Dương Quang Vinh	27/08/90		Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	6.50	7.00	13.50	13.50	
1003	V13.01205	Đổng Đạo Vinh	02/12/72		Trường THPT Trần Phú Hà Nội	6.50	5.50	12.00	12.00	
1004	V13.01206	Lương Quang Vinh	28/07/82		TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
1005	V13.01208	Nguyễn Quang Vinh	24/07/82		Bảo hiểm bảo việt	5.00	6.00	11.00	11.00	
1006	V13.01209	Trần Quang Vinh	19/07/85		Đội quản lý TT số 4 - Vĩnh Phúc	5.50	7.00	12.50	12.50	
1007	V13.01210	Trần Quang Vinh	23/08/86		UBND Quận Nam Từ Liêm	5.50	5.00	10.50	10.50	
1008	V13.01211	Nguyễn Trọng Vũ	06/12/87		Công ty cổ phần tập đoàn MV	6.00	5.00	11.00	11.00	
1009	V13.01212	Nguyễn Xuân Vũ	12/04/81		Ngân hàng SACOMBANK	3.00	5.00	8.00	8.00	
1010	V13.01214	Nguyễn Anh Vũ	20/11/91		Thí sinh tự do	6.50	6.00	12.50	12.50	
1011	V13.01215	Phạm Quốc Vũ	26/10/90		Thí sinh tự do	7.00	6.50	13.50	13.50	
1012	V13.01217	Tô Văn Vững	14/10/89		TSTD	5.00	5.00	10.00	10.00	
1013	V13.01219	Nguyễn Thị Xuân	14/10/88	Nữ	TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
1014	V13.01221	Vũ Thanh Xuân	12/09/84		TT bồi dưỡng chính trị Q. Thanh Xuân	6.00	6.50	12.50	12.50	
1015	V13.01222	Hoàng Thị Hồng Xuyên	28/04/87	Nữ	Thí sinh tự do	6.50	4.00	10.50	10.50	
1016	V13.01223	Nguyễn Thị Xuyên	29/07/80	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.50	13.50	13.50	
1017	V13.01224	Dương Thị Hải Yến	27/04/85	Nữ	Ngân hàng VID Public	4.50	5.00	9.50	9.50	
1018	V13.01225	Lê Thị Hải Yến	08/09/90	Nữ	Ngân hàng BIDV Cầu giấy	6.50	2.50	9.00	9.00	
1019	V13.01226	Lê Thị Yến	04/06/90	Nữ	Thí sinh tự do	6.00	5.50	11.50	11.50	
1020	V13.01227	Lê Hoàng Yến	28/06/90	Nữ	Thí sinh tự do	5.50	5.00	10.50	10.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1021	V13.01228	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/02/89	Nữ	UBND Phường Cát Linh	6.00	4.50	10.50	10.50	
1022	V13.01231	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	20/06/81	Nữ	UBND phường Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	5.50	4.50	10.00	10.00	
1023	V13.01232	Nguyễn Thị Bảo	Yến	14/11/89	Nữ	Thanh tra TP Hà Nội	5.00	2.00	7.00	7.00	
1024	V13.01233	Trần Ngọc	Yến	15/06/91	Nữ	Thí sinh tự do	7.00	6.00	13.00	13.00	
1025	V13.02000	Đặng Thu	Hà	16/09/91	Nữ		6.00	4.00	10.00	10.00	

CỘNG TRƯỞNG V13 : 1025 THÍ SINH

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Chí Hiếu